

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thanh Hoa
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ
VẬN TẢI HÀNG THÔNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thanh Hoa
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thanh Hoa

Mã SV: 120160

Lớp: QT1206K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hằng Thông

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Đi sâu vào nghiên cứu và mô tả thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.

- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp nói chung và tại đơn vị thực tập nói riêng.

- Tìm ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu sổ sách kế toán năm 2011 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông.

Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đồng – huyện An Dương – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **ThS. Phạm Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hằng Thông

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thanh Hoa

ThS. Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẢN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ, chịu khó.
- Hoàn thành đề tài đúng tiến độ.
- Cẩn thận và độc lập trong nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Đã giải quyết được những vấn đề yêu cầu đề ra trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp cả về mặt lý luận và thực tiễn.
- Số liệu minh họa đầy đủ, chính xác và khoa học.
- Đảm bảo chất lượng của khóa luận tốt nghiệp đại học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Ngày sinh:/...../.....

Lớp: Ngành: Khóa.....

Thực tập tại:

Từ ngày:/...../... đến ngày/...../...

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

.....
.....
.....
.....

2. Về những công việc được giao:

.....
.....
.....
.....

3. Kết quả đạt được:

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2012

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Tổng quát về vốn bằng tiền.....	3
1.1.1 Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền	3
1.1.2 Đặc điểm, nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	4
1.1.2.1 Đặc điểm	4
1.1.2.2 Nhiệm vụ	4
1.1.2.3 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	5
1.1.2.4 Các sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền	6
1.2 Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền	12
1.2.1 Luân chuyển chứng từ	12
1.2.2 Hạch toán tiền mặt tại quỹ	13
1.2.2.1 Nguyên tắc kế toán tiền mặt	13
1.2.2.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt	15
1.2.2.3 Tài khoản sử dụng	16
1.2.2.4 Trình tự hạch toán tiền mặt tại quỹ là tiền Việt Nam	18
1.2.2.5 Trình tự hạch toán các khoản thu, chi ngoại tệ	19
1.2.2.6 Trình tự hạch toán vàng bạc, đá quý tại quỹ	22
1.2.3 Kế toán TGNH	22
1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán TGNH	22
1.2.3.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán TGNH	24
1.2.3.3 Tài khoản sử dụng	24
1.2.3.4 Trình tự hạch toán TGNH bằng tiền Việt Nam	25
1.2.3.5 Trình tự hạch toán TGNH bằng ngoại tệ	26
1.2.4 Kế toán tiền đang chuyển	26
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển	27

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	27
1.2.4.3 Trình tự hạch toán tiền đang chuyển	28
1.3 Các hình thức kế toán	28
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản	29
1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán	30
1.3.2 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	30
1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản	30
1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán	31
1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	32
1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản	32
1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán	32
1.3.4 Hình thức kế toán máy	33
1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản	33
1.3.4.2 Trình tự thực hiện	33
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	
TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM XNK & VT HÀNG THÔNG	34
2.1 Giới thiệu chung	
về Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông	34
2.1.1 Đặc điểm, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty	34
2.1.1.1 Hình thức công ty	34
2.1.1.2 Tên công ty	34
2.1.1.3 Giám đốc điều hành	34
2.1.1.4 Ngành nghề kinh doanh	35
2.1.1.5 Mục tiêu kinh doanh ngành nghề	35
2.1.1.6 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	
Chi nhánh Công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông	36
2.1.1.7 Kết quả kinh doanh của công ty 2 năm gần đây	38

2.1.1.8 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động của đơn vị	38
2.1.2 Đặc điểm, tình hình công tác kế toán tại công ty	39
2.1.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	39
2.1.2.2 Hình thức kế toán áp dụng	40
2.1.2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại đơn vị	41
2.1.2.4 Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán	42
2.2 Thực trạng công tác hạch toán vốn bằng tiền	
tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông	43
2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ	43
2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng	43
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng	43
2.2.1.3 Quy trình hạch toán	44
2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng	70
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng	71
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng	71
2.2.2.3 Quy trình hạch toán	71
2.2.3 Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm của ngoại tệ	84

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN

CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM XNK & VT HẰNG THÔNG 85

3.1 Nhận xét, đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền	
tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông	85
3.1.1 Ưu điểm về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền	
nói riêng tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông	86
3.1.2 Những tồn tại về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền	
nói riêng tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông.....	88
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền	
tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông	90

3.2.1 Tin học hóa công tác kế toán	90
3.2.2 Mở tài khoản 113 và hạch toán tiền đang chuyển	92
3.2.3 Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	93
3.2.4 Công ty nên đẩy mạnh hơn nữa hình thức thanh toán qua ngân hàng	97
3.2.5 Công ty nên định kỳ kiểm kê quỹ tiền mặt	97
3.2.6 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách	100
KẾT LUẬN	106
TÀI LIỆU THAM KHẢO	109

DANH MỤC BIỂU

Biểu 1.1 Sổ nhật ký thu tiền.....	6
Biểu 1.2 Sổ nhật ký chi tiền	7
Biểu 1.3 Sổ quỹ tiền mặt	8
Biểu 1.4 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt	9
Biểu 1.5 Sổ tiền gửi ngân hàng	10
Biểu 1.6 Sổ cái	11
Biểu 1.7 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền mặt tại quỹ	18
Biểu 1.8 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về ngoại tệ tại quỹ	21
Biểu 1.9 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về TGNH bằng tiền Việt Nam	25
Biểu 1.10 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về TGNH bằng ngoại tệ	26
Biểu 1.11 Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển	28
Biểu 1.12 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký chung	30
Biểu 1.13 Sơ đồ hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	31
Biểu 1.14 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	32
Biểu 1.15 Sơ đồ hình thức kế toán máy	33
Biểu 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty	36
Biểu 2.2 Kết quả kinh doanh của công ty năm 2010 và 2011	38
Biểu 2.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	39
Biểu 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại đơn vị	42
Biểu 2.5 Quy trình hạch toán tiền mặt tại đơn vị	44
Biểu 2.6 Giấy rút tiền mặt	47
Biểu 2.7 Phiếu thu 1348	48
Biểu 2.8 Hóa đơn GTGT 46733	49
Biểu 2.9 Phiếu thu 1352	50
Biểu 2.10 Hóa đơn GTGT 52413	51

Biểu 2.11 Giấy đề nghị thanh toán tiền dầu ngày 10/12/2011	52
Biểu 2.12 Phiếu chi 1266	53
Biểu 2.13 Hóa đơn GTGT 41050	54
Biểu 2.14 Giấy đề nghị thanh toán tiền bảo dưỡng xe ngày 10/12/2011	55
Biểu 2.15 Phiếu chi 1267	56
Biểu 2.16 Hóa đơn GTGT 46707	57
Biểu 2.17 Phiếu thu 1321	58
Biểu 2.18 Phiếu chi 1284	59
Biểu 2.19 Phiếu thu 1349	60
Biểu 2.20 Sổ quỹ tiền mặt (VNĐ)	61
Biểu 2.21 Sổ quỹ tiền mặt (NDT)	62
Biểu 2.22 Nhật ký chung	63
Biểu 2.23 Sổ cái TK 111	65
Biểu 2.24 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Tiền Việt Nam)	67
Biểu 2.25 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Nhân dân tệ)	69
Biểu 2.26 Bảng tổng hợp chi tiết quỹ tiền mặt	70
Biểu 2.27 Quy trình hạch toán TGNH tại công ty	72
Biểu 2.28 Phiếu báo nợ 477TT	73
Biểu 2.29 Phiếu thu 1348	74
Biểu 2.30 Ủy nhiệm chi	75
Biểu 2.31 Phiếu báo nợ 460FT	76
Biểu 2.32 Phiếu báo có 463FT	77
Biểu 2.33 Phiếu chi 1258	78
Biểu 2.34 Phiếu báo có 449TT	79
Biểu 2.35 Nhật ký chung	80
Biểu 2.36 Sổ tiền gửi ngân hàng	82
Biểu 2.37 Sổ cái TK 112	83
Biểu 3.1 Mức dự phòng cần trích lập	96

Biểu 3.2 Mức dự phòng cần trích lập cụ thể cho từng khách hàng	96
Biểu 3.3 Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho VNĐ)	98
Biểu 3.4 Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)	99
Biểu 3.5 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng tại công ty sau khi được bổ sung Nhật ký đặc biệt	101
Biểu 3.6 Sổ nhật ký thu tiền (Ghi nợ TK 111)	102
Biểu 3.7 Sổ nhật ký thu tiền (Ghi nợ TK 112)	103
Biểu 3.8 Sổ nhật ký chi tiền (Ghi có TK 111)	104
Biểu 3.9 Sổ nhật ký chi tiền (Ghi có TK 112)	105

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCTC	Báo cáo tài chính
CCDC	Công cụ dụng cụ
CK	Cuối kỳ
CP	Cổ phần
GBC	Giấy báo có
GBN	Giấy báo nợ
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
HH	Hàng hóa
NVL	Nguyên vật liệu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH TM XNK & VT	Trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải
TSCĐ	Tài sản cố định

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận của em được hoàn thành dưới sự hướng dẫn, chỉ dạy của giảng viên Thạc sỹ Phạm Thị Nga và sự nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu, tài liệu của các anh chị phòng Kế toán Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông.

Do thời gian có hạn nên đề tài của em mới chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền của Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông, chưa có điều kiện để tiến hành đi sâu thêm vào các phân hành kế toán khác. Cũng do trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được những ý kiến và sự chỉ bảo của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 6 năm 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, các doanh nghiệp đang gặp phải nhiều khó khăn do sự khốc liệt của thương trường. Để đối mặt được với các vấn đề đó, giữ vững vị trí của mình, các doanh nghiệp phải tìm cách khai thác triệt để các tiềm năng của bản thân và chính sách tài chính phù hợp nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Vốn bằng tiền là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, là tài sản lưu động có tính luân chuyển cao. Tuy nhiên, quy mô vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp nên kế toán vốn bằng tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc quản lý, xây dựng, sử dụng vốn cho hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực với quá trình định hướng đầu tư. Ngoài ra, nếu tổ chức tốt công tác kế toán vốn bằng tiền, các nhà quản lý sẽ theo dõi, kiểm soát được quá trình luân chuyển của các dòng tiền cũng như tình hình tài chính doanh nghiệp một cách chi tiết, tối ưu nhất để có các biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí, tăng lợi nhuận.

Qua quá trình thực tập tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty vẫn còn gặp phải một vài hạn chế. Thêm vào đó, nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền, em đã chọn đề tài : “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông” để nghiên cứu, nhằm hệ thống hóa được lý luận vào thực tiễn và góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại đơn vị.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, đề tài được chia làm ba chương :

- Chương 1 : Một số vấn đề lý luận cơ bản về công tác hạch toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông.

- Chương 3 : Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông.

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quát về vốn bằng tiền :

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền :

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà đơn vị nào cũng có và sử dụng.

Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền tại doanh nghiệp được chia thành :

- Tiền Việt Nam : là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được phép sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ : là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng : Đôla Mỹ (USD), Bảng Anh (GBP), Phrăng Pháp (FFr), Yên Nhật (JPY), Đôla Hồng Kông (HKD), Mác Đức (DM),...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý : là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm :

- Tiền tại quỹ : gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng : là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển : bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau :

- + Gửi tiền vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo của Ngân hàng.
- + Làm thủ tục chuyển tiền từ Ngân hàng qua bưu điện để trả nợ nhưng chưa nhận được giấy báo.
- + Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay nhưng chưa nhận được giấy báo.

1.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền :

1.1.2.1. Đặc điểm :

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Do đó, trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự thất thoát hoặc lạm dụng là rất quan trọng, đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.2.2. Nhiệm vụ :

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có, tình hình biến động và sử dụng tiền mặt , kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý tiền mặt.
- Phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời số hiện có, tình hình biến động tiền gửi, tiền đang chuyển, các loại kim khí quý và ngoại tệ, giám sát việc chấp hành các chế độ quy định về quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

1.1.2.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền :

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định, chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước sau đây:

* Nguyên tắc tiền tệ thống nhất: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh (VNĐ).

* Nguyên tắc cập nhật : kế toán phải phản ánh kịp thời, chính xác số tiền hiện có và tình hình thu, chi toàn bộ các loại tiền, mở sổ chi tiết theo dõi cho từng loại ngoại tệ (theo nguyên tệ và theo đồng Việt Nam quy đổi), từng loại vàng bạc, đá quý (theo số lượng, trọng lượng, quy cách, độ tuổi, kích thước, giá trị...).

* Nguyên tắc quy đổi tỷ giá hối đoái: mọi nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ, ngoài việc theo dõi chi tiết theo nguyên tệ còn phải được quy đổi về VNĐ để ghi sổ. Tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Với những ngoại tệ mà Ngân hàng không công bố tỷ giá quy đổi ra VNĐ thống nhất quy đổi thông qua USD.

Với vàng bạc, kim khí quý, đá quý thì giá nhập vào trong kì được tính theo giá trị thực tế, còn giá xuất trong kì được tính theo phương pháp sau :

- + Phương pháp giá thực tế nhập trước – xuất trước
- + Phương pháp giá thực tế nhập sau – xuất trước
- + Phương pháp giá thực tế đích danh
- + Phương pháp giá bình quân sau mỗi lần nhập

Thực hiện đúng các nguyên tắc trên thì việc hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt về các loại vốn bằng tiền của mình. Đồng thời, doanh nghiệp còn có thể chủ động trong kế hoạch thu chi, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục.

1.1.2.4. Các sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền :

- Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền
- Nhật ký chứng từ, Bảng kê
- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp chi tiết
- Sổ cái

Dưới đây là một số mẫu sổ sách được sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền :

Đơn vị:

Mẫu số: S03a1-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.1 Sổ nhật ký thu tiền

Đơn vị:

Mẫu số: S03a2-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.2 Sổ nhật ký chi tiền

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S05a-DNN

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: ...

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.3 Sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S05b-DNN

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : ...

Loại quỹ :

Năm :

Đơn vị tính : ...

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.4 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Đơn vị:

Mẫu số: S06-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch :

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi :

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh trong kỳ					
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.5 Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị:

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm :

Tên tài khoản :

Số hiệu :

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng					
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 1.6 Sổ cái

1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền :

1.2.1. Luân chuyển chứng từ :

Để thu thập thông tin đầy đủ, chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định. Một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ...

Giống như các chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động. Sự vận động hay luân chuyển đó được xác định bởi các khâu sau :

- Tạo lập chứng từ : Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy, tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, chi hay các hợp đồng... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu Nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của người có liên quan.

- Kiểm tra chứng từ : Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ :

- + Các yếu tố phát sinh chứng từ.
- + Chữ ký của người có liên quan.
- + Tính chính xác của số liệu trên chứng từ.

Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán :
- + Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.
- + Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.
- Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kì hạch toán : Trong kì hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ.
- Lưu trữ chứng từ : Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kì hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc :
 - + Chứng từ không bị mất.
 - + Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.
 - + Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đem ra hủy.

1.2.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ:

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến quản lý, thu – chi tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán quy định thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt:

1) Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng

(không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyên”.

2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

4) Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

7) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt :

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng bạc, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kê kê quỹ (Mẫu số 08 - TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu – chi. Lệnh thu – chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu – chi, kế toán tiến hành lập các phiếu thu – chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu – chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi thực hiện xong việc thu – chi, thủ quỹ ký tên, đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày, thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu – chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu – chi tiền mặt, tính ra số tồn quỹ cuối tháng.

“Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S05b – DNN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác có thêm cột “Tài khoản

đôi ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111 – Tiền mặt.

Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có : Sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền (đối với hình thức Nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Bên Có :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

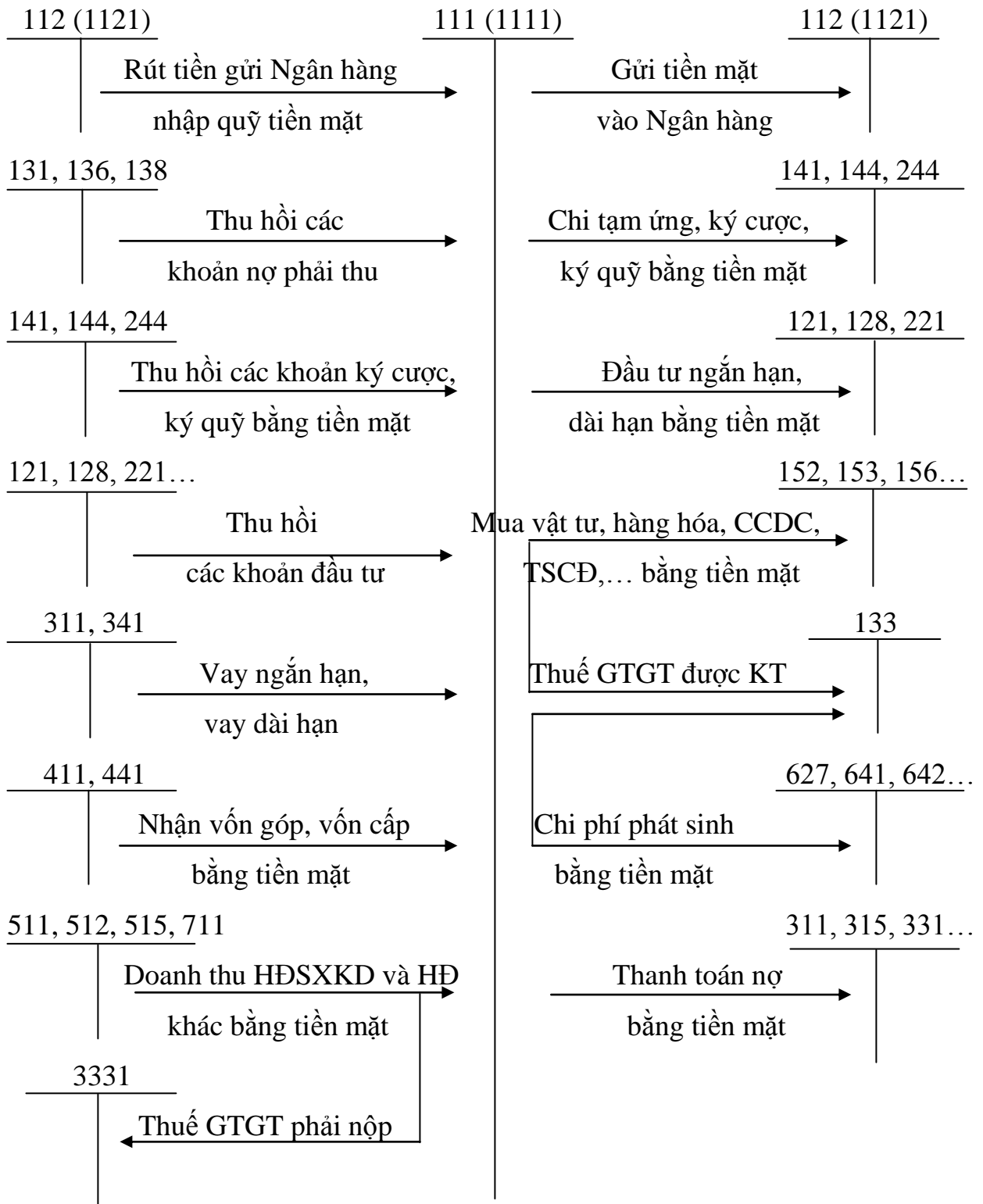
Số dư bên nợ : Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2 :

- TK 1111 : Tiền Việt Nam
- TK 1112 : Ngoại tệ
- TK 1113 : Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2.2.4. Trình tự hạch toán tiền mặt tại quỹ là tiền Việt Nam :

Biểu 1.7 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền mặt tại quỹ



1.2.2.5. Trình tự hạch toán các khoản thu, chi ngoại tệ :

- Việc hạch toán ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán (nếu được chấp thuận) về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế (gọi tắt là tỷ giá giao dịch) để ghi sổ kế toán.

- Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên TK 007 – Nguyên tệ các loại.

- Mọi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tài sản, doanh thu, chi phí luôn phản ánh theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh (tỷ giá thực tế).

- Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tăng vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả phản ánh theo tỷ giá thực tế.

- Nghiệp vụ phát sinh liên quan ghi giảm nợ phải thu, nợ phải trả ghi theo tỷ giá ghi nhận nợ.

- Nghiệp vụ phát sinh ghi giảm vốn bằng tiền ghi theo tỷ giá xuất quỹ (tỷ giá xuất quỹ tính theo một trong các phương pháp : bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước,...)

- Các khoản chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá được hạch toán vào TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính và TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập BCĐKT.

- Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua, bán.

- Các loại tỷ giá :

+ Tỷ giá thực tế : là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như tỷ giá mua, tỷ giá bán do Ngân hàng công bố.

+ Tỷ giá hạch toán : là tỷ giá ổn định trong một kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá thực tế lúc đầu kỳ.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập, xuất quỹ như sau :

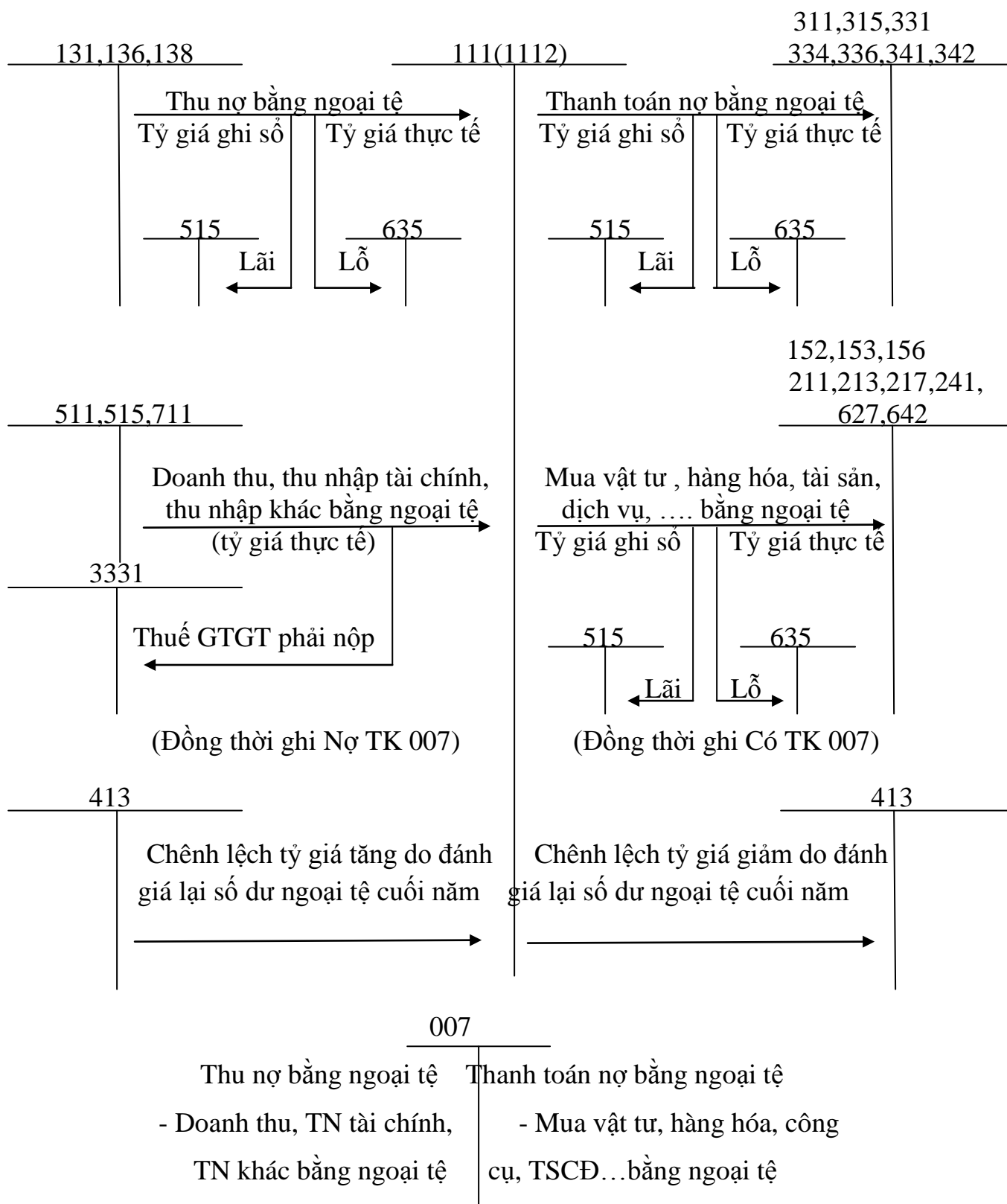
+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất quỹ có thể tính theo nhiều phương pháp khác nhau như nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tỷ giá bình quân, tỷ giá hiện tại,...

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá các loại ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp).

Biểu 1.8 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về ngoại tệ tại quỹ



1.2.2.6. Trình tự hạch toán vàng bạc, đá quý tại quỹ :

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh.

1.2.3. Kế toán TGNH :

Trong quá trình kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm : tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán TGNH :

1) Khi phát hành các chứng từ tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

2) Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn

vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3) Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

5) Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

6) Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản

chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán TGNH :

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.

- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...).

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi, kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112:

Bên Nợ : Các khoản tiền gửi vào Ngân hàng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ Ngân hàng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Dư Nợ : Số tiền hiện còn gửi tại Ngân hàng.

TK 112 có 3 tài khoản cấp 2 :

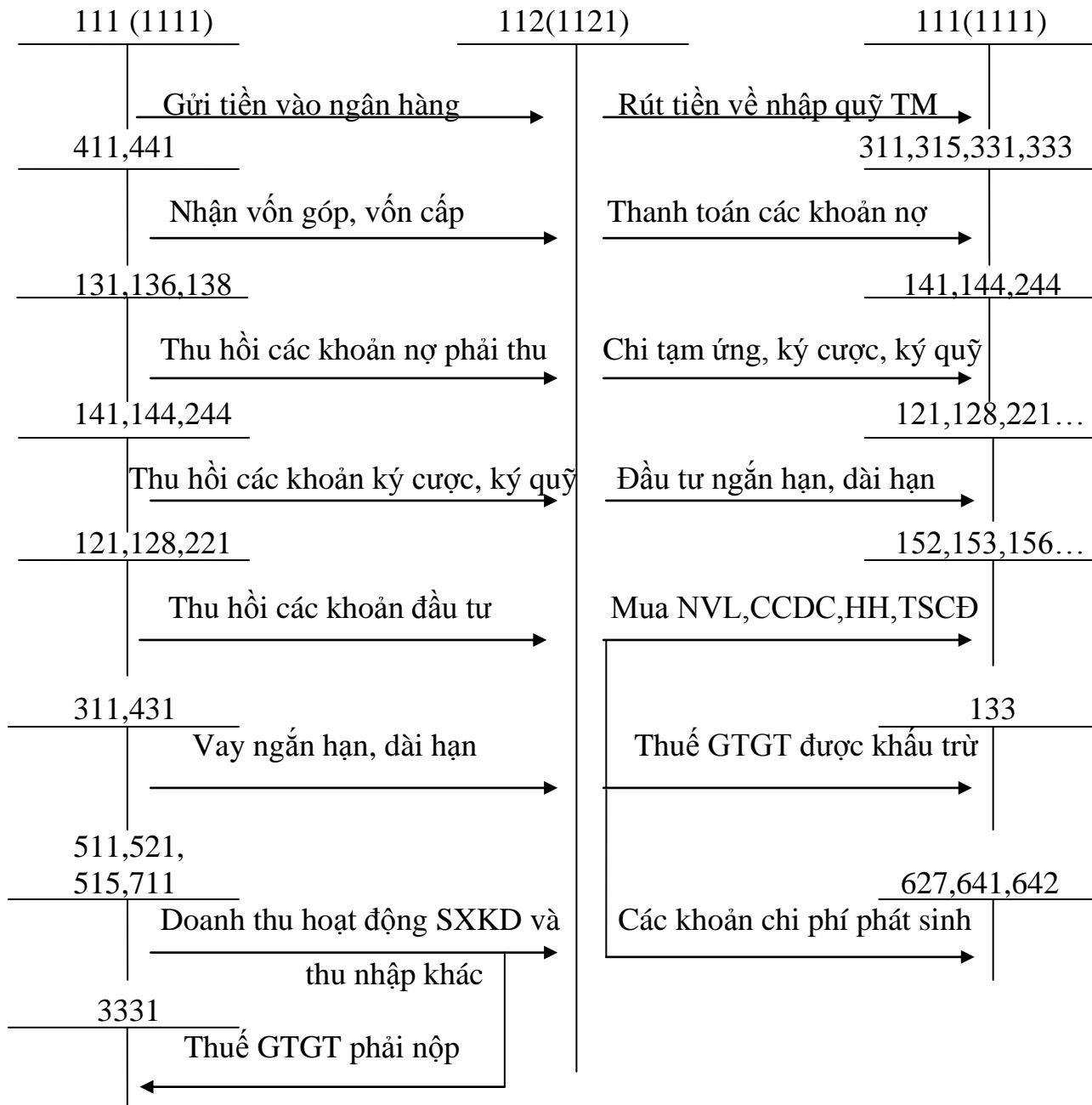
+ TK1121 – Tiền Việt Nam

+ TK 1122 – Ngoại tệ

+ TK 1123 – Vàng bạc, đá quý, kim khí quý

1.2.3.4. Trình tự hạch toán TGNH bằng tiền Việt Nam:

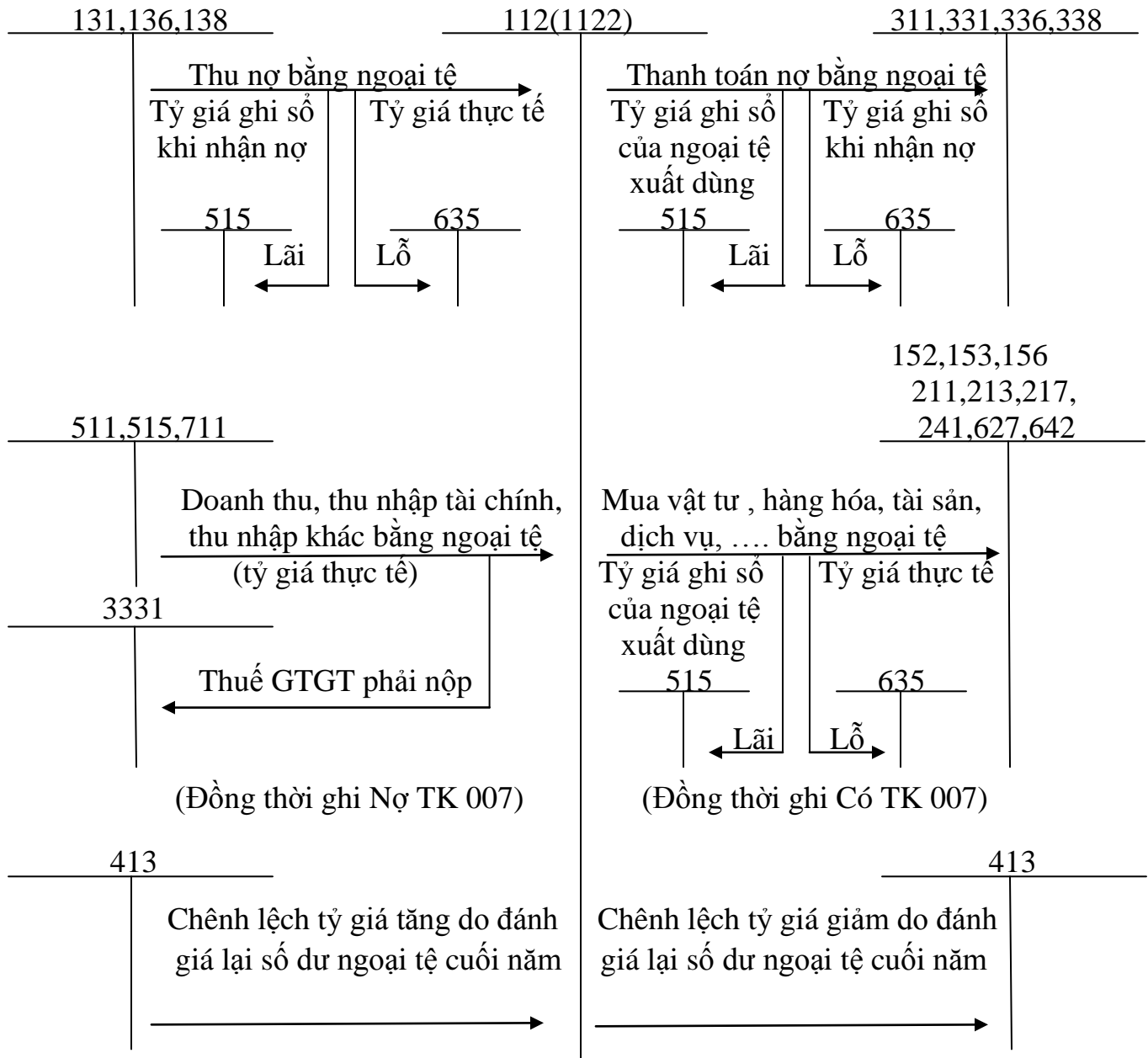
***Biểu 1.9 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về TGNH
bằng tiền Việt Nam***



1.2.3.5. Trình tự hạch toán TGNH bằng ngoại tệ:

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Biểu 1.10 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về TGNH bằng ngoại tệ



1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển :

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hoặc đã làm

thủ tục chuyển từ TK tại ngân hàng để trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển :

- Giấy nộp tiền
- Séc bảo chi
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Kế toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK113 - Tiền đang chuyển.

TK 113 có kết cấu như sau :

Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

- Chênh lệch ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

Bên Có :

- Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

Số dư bên Nợ : Các khoản tiền còn đang chuyển.

TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

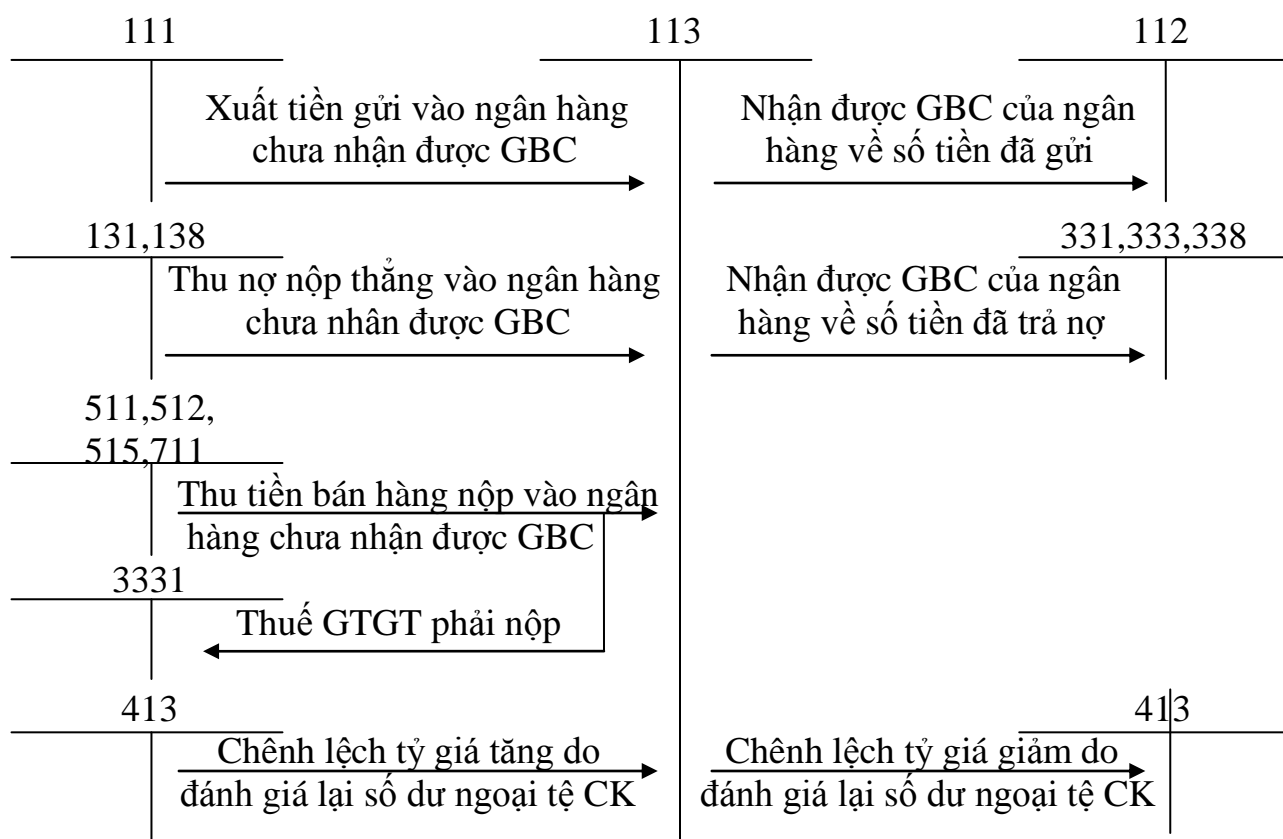
- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.2.4.3. Trình tự hạch toán tiền đang chuyển :

Tiền đang chuyển được hạch toán tương tự như tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Trình tự hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau :

Biểu 1.11 Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển



1.3. Các hình thức kế toán :

Tùy theo quy mô, loại hình và điều kiện hoạt động mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức sổ kế toán cho phù hợp. Theo quyết định số 48 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau :

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

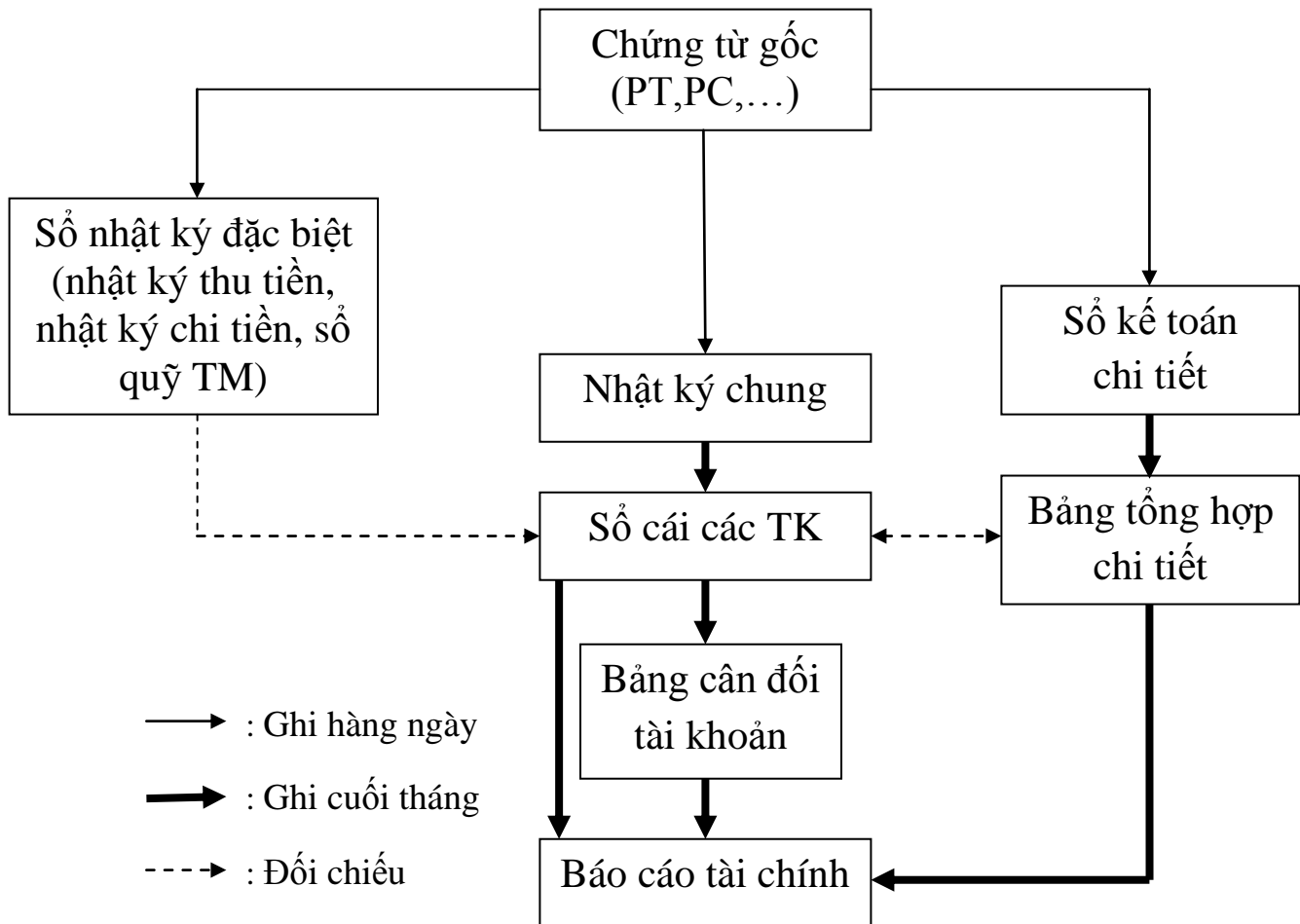
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán:



Biểu 1.12 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ :

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

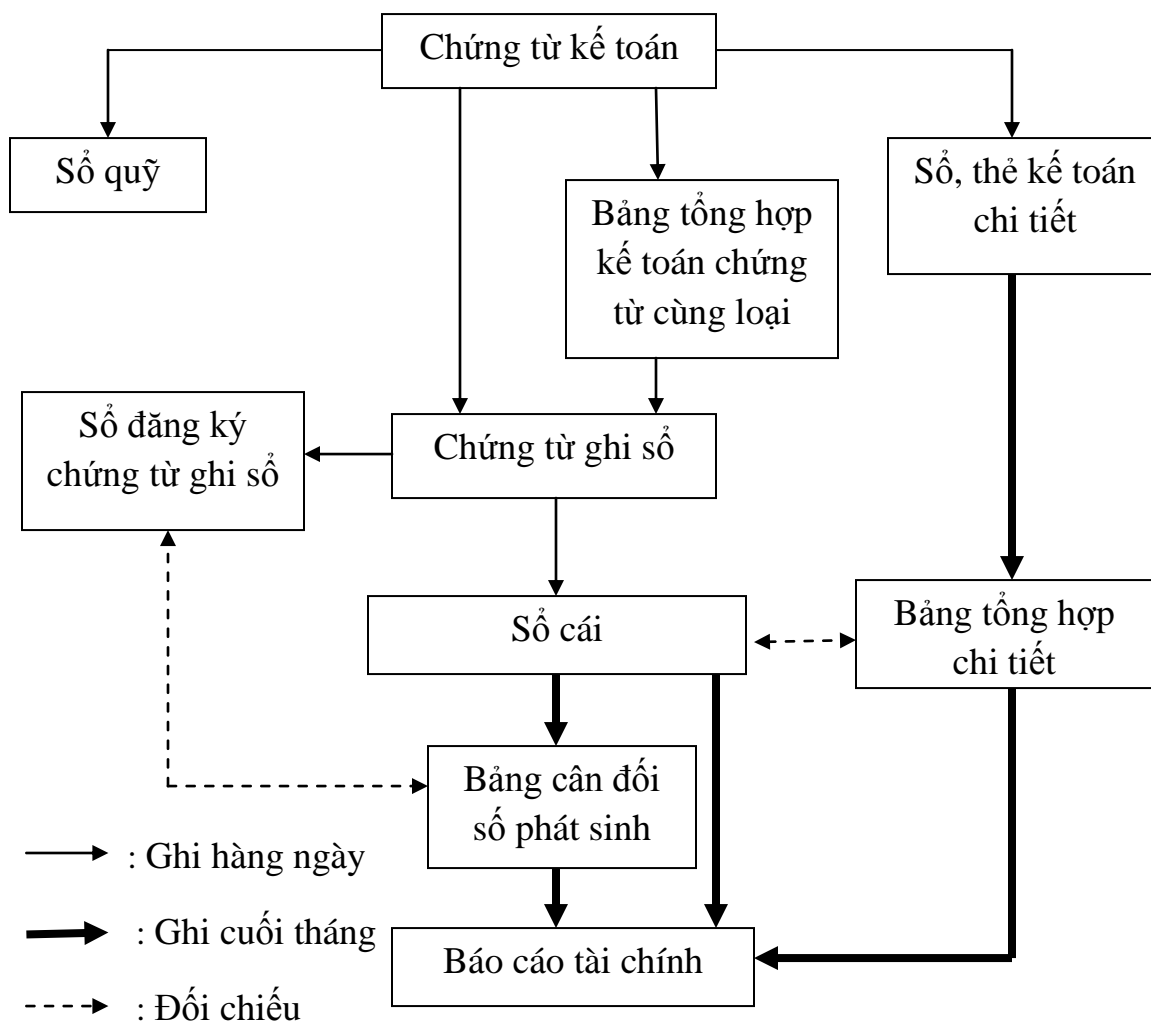
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán:



Biểu 1.13 Sơ đồ hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái :

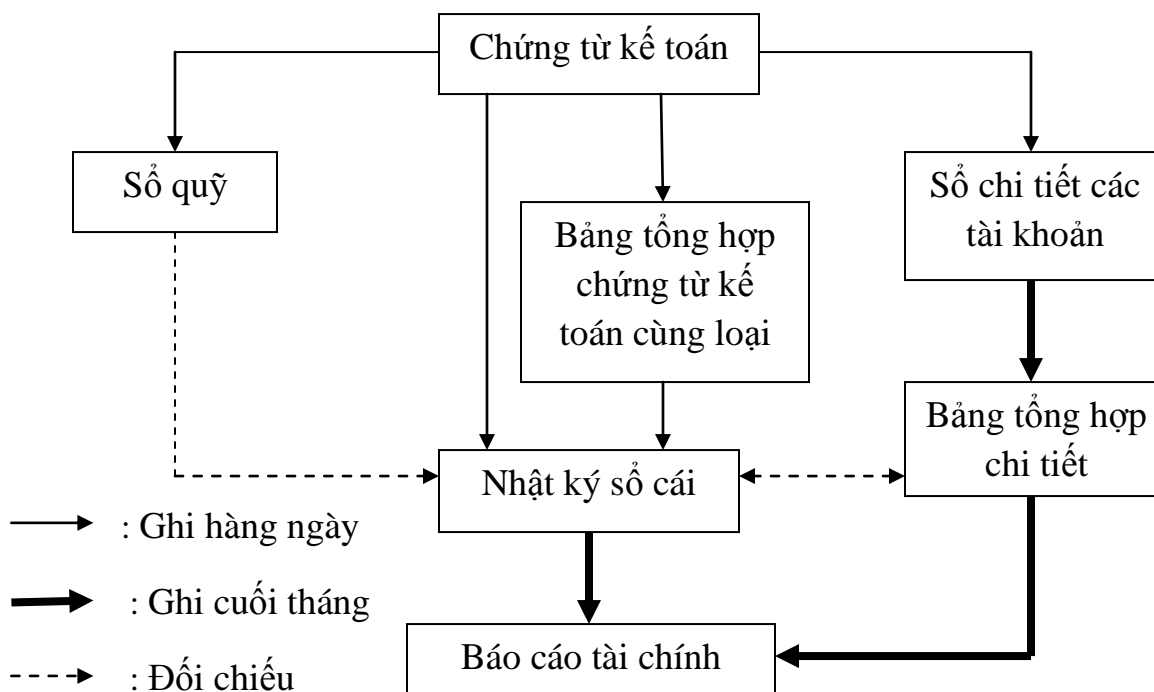
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán:



Biểu 1.14 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

1.3.4. Hình thức kế toán máy :

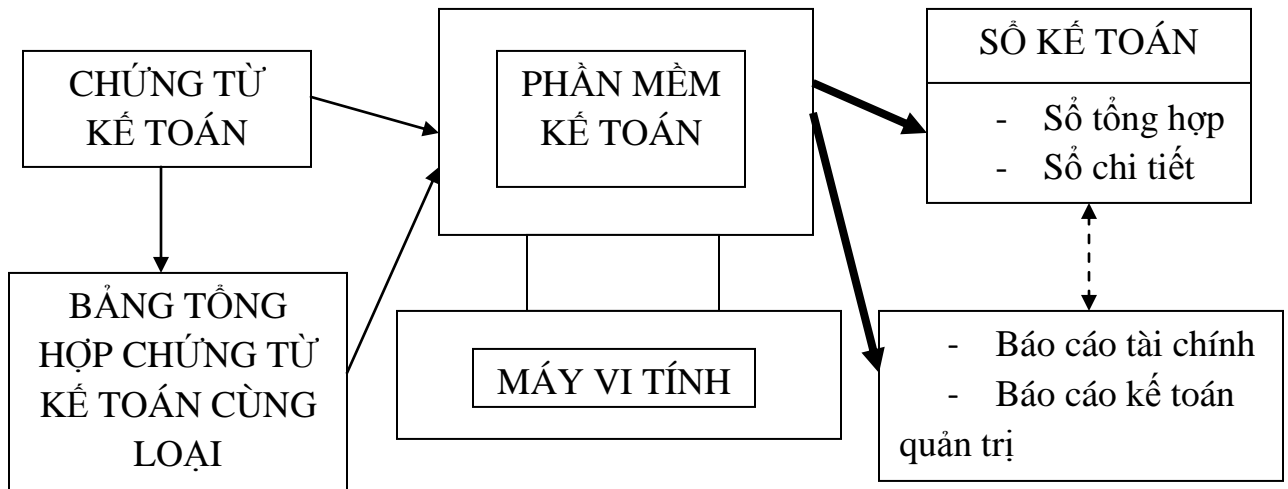
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán máy:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng *không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay*.

1.3.4.2. Trình tự thực hiện:



→ : Nhập số liệu hàng ngày

→ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

----> : Đối chiếu, kiểm tra

Biểu 1.15 Sơ đồ hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM XNK & VT HẰNG THÔNG

2.1. Giới thiệu chung về Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông:

2.1.1. Đặc điểm, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty :

2.1.1.1. Hình thức công ty :

Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông được thành lập vào tháng 9 năm 2009 thuộc hình thức công ty TNHH có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và Ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty vẫn đang trong quá trình hoạt động dưới sự giám sát, quản lý của công ty mẹ.

2.1.1.2. Tên công ty :

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt :

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ VẬN TẢI HẰNG THÔNG

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh : HANG THONG BRANCH
- Tên công ty viết tắt : HTB CO.LTD
- Mã số thuế : 5700724046-001
- Điện thoại văn phòng : 0313 913 737
- Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đồng – huyện An Dương – Hải Phòng

Phòng

- Trụ sở công ty mẹ : Tổ 4 Khu Hồng Hà – Móng Cái – Quảng Ninh

2.1.1.3. Giám đốc điều hành :

- Họ và tên : Dín Cún Dẫu
- Ngày tháng năm sinh : 10/03/1981

- CMT số : 101034541
- Ngày cấp : 08/06/2009
- Nơi cấp : Quảng Ninh
- Đảm nhiệm chức vụ kể từ ngày : 01/09/2009

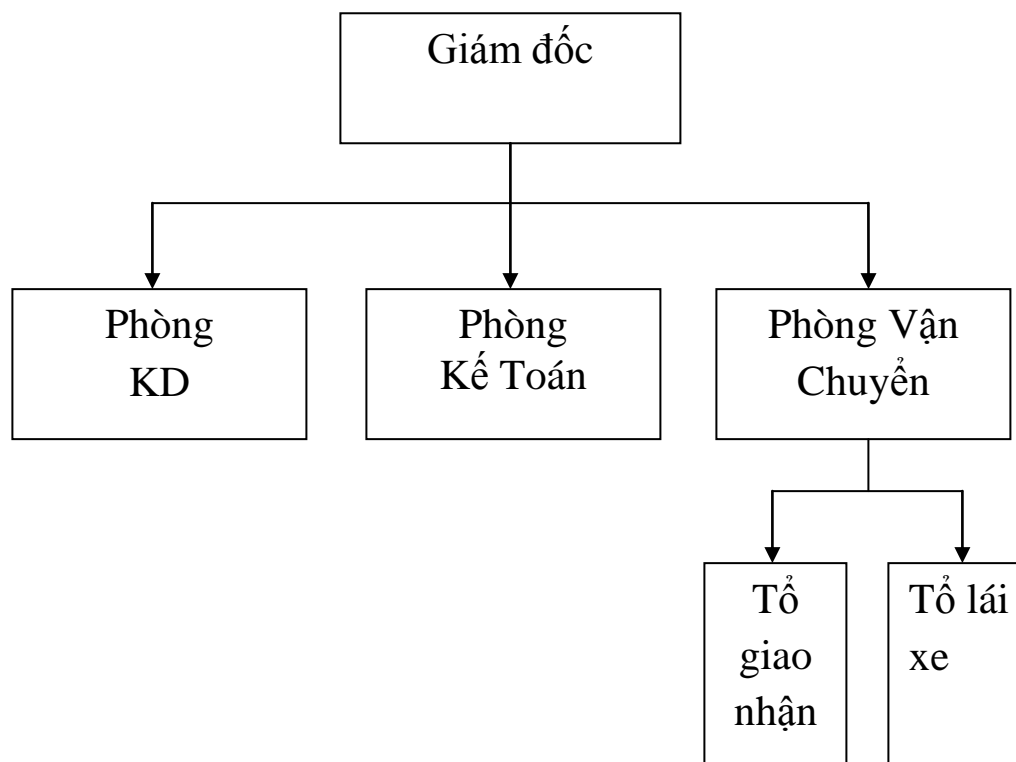
2.1.1.4. Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh XNK thương mại tổng hợp.
- Kinh doanh XNK chế biến nguyên liệu, lâm sản và động vật sống (trừ mặt hàng Nhà nước cấm), nguyên liệu sản xuất giấy, giày dép, quần áo, vải vóc. Kinh doanh XNK các thiết bị máy móc và các loại hóa chất (trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm).
- Kinh doanh XNK mua bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, đồ dùng, thiết bị nội thất văn phòng và gia đình.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường sắt, đường bộ, đường thủy, hàng không.
- Kinh doanh hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường.

2.1.1.5. Mục tiêu kinh doanh ngành nghề :

- Huy động vốn của cá nhân và tập thể.
- Thu hút lực lượng lao động tại địa phương.
- Không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.
- Trong quá trình kinh doanh tùy tình hình thực tế công ty có thể đề xuất công ty mẹ phát triển thêm ngành nghề mới.

2.1.1.6. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT
Hàng Thông :



Biểu 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty

- Giám đốc : điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước công ty mẹ về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Phòng kinh doanh :

✓ Trực tiếp nhận đơn đặt hàng , đồng thời hướng dẫn thực hiện các thủ tục cần thiết cho khách hàng, phối hợp với các bộ phận liên quan hoàn tất quy trình.

✓ Thực hiện khảo sát, thăm dò nhu cầu khách hàng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường.

✓ Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

✓ Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.

✓ Lập báo cáo thống kê hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và năm, trình Giám đốc duyệt và gửi các cấp có liên quan kịp thời.

- ✓ Lưu trữ các bản gốc về hợp đồng kinh tế.
- Phòng kế toán :
- ✓ Giải quyết các vấn đề hợp đồng lao động, thanh lý hợp đồng lao động theo bộ luật lao động của Nhà nước hiện hành.
- ✓ Kịp thời giải quyết các chế độ chính sách cho nhân viên.
- ✓ Quản lý hồ sơ lý lịch cán bộ nhân viên .
- ✓ Kiểm tra mọi hoạt động tài chính – kế toán của công ty, tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo thực hiện đúng luật pháp của Nhà nước, điều lệ hoạt động của công ty.
- ✓ Cung ứng tiền đáp ứng mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời ngăn ngừa những tiêu cực trong hoạt động kinh doanh.
- ✓ Kiên quyết loại bỏ những thủ tục chứng từ không hợp lệ, bảo vệ nền Tài chính công ty hoạt động lành mạnh đúng pháp luật.
- ✓ Kiểm tra soát xét các chứng từ chi tiêu. Phân định rõ chứng từ hợp lệ, không hợp lệ, báo cáo Giám đốc có biện pháp giải quyết ngay.
- ✓ Hàng quý, sáu tháng và cả năm báo cáo quyết toán tài chính thật rõ ràng khách quan. Bản quyết toán tài chính phải lập công khai, cân đối chính xác, phản ánh các mặt hoạt động kinh doanh của công ty một cách khách quan để lãnh đạo nắm được, tìm cách phát huy (hoặc hạn chế).
- Phòng vận chuyển :
- ✓ Chịu trách nhiệm nhận và vận chuyển hàng hóa đến đúng hẹn, đúng địa điểm.
- ✓ Hoàn toàn chịu trách nhiệm về số lượng cũng như đảm bảo chất lượng của hàng hóa được chuyển giao.
- ✓ Đảm bảo tình trạng tốt nhất cho phương tiện vận chuyển.

2.1.1.7. Kết quả kinh doanh của công ty 2 năm gần đây :

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
Tổng doanh thu	20.218.800.954	21.535.568.330
Tổng chi phí	20.345.271.964	21.741.831.498
Tổng lợi nhuận trước thuế	(126.471.010)	(206.263.168)
Lợi nhuận sau thuế	(126.471.010)	(206.263.168)

Biểu 2.2 Kết quả kinh doanh của công ty năm 2010 và 2011

Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông mới thành lập được gần 3 năm nên vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Qua bảng số liệu, ta có thể thấy hoạt động của công ty phần nào đã tăng trưởng. Tổng doanh thu năm 2011 tăng 6,5% so với năm 2010 tuy nhiên tổng chi phí cũng tăng 6,9% khiến lợi nhuận sau thuế bị âm và doanh nghiệp chưa thu được lời từ hoạt động kinh doanh. Rõ ràng doanh nghiệp nên đề ra các kế hoạch cụ thể hơn, hiệu quả hơn, kiểm soát tài chính chặt chẽ nhằm giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

2.1.1.8. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động của đơn vị :

Thuận lợi :

- Trong thời gian hoạt động, công ty luôn giữ lòng tin, chữ tín với khách hàng nên uy tín được nâng cao, được khách hàng tin tưởng, nhiều khách hàng trở thành khách hàng truyền thống.
- Được công ty mẹ hỗ trợ, giúp đỡ, được bộ phận hải quan tạo điều kiện thông quan.
- Cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, thông thạo Tiếng Trung, chấp hành nghiêm chỉnh điều lệ của công ty, đoàn kết chặt chẽ giúp quá trình giao dịch, công tác được thuận lợi.

Khó khăn :

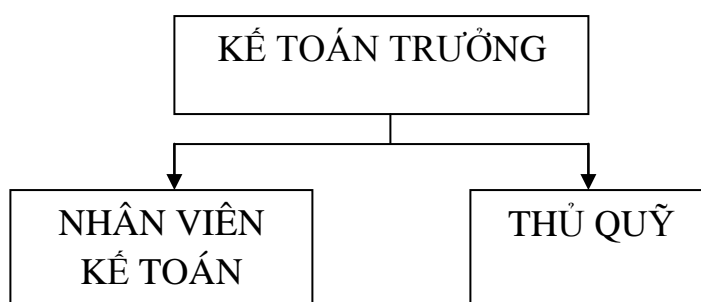
- Quy mô nhỏ, mới đi vào hoạt động chưa có nhiều kinh nghiệm nên không thể cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp lớn, chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn Hải Phòng.
- Lực lượng cán bộ và quản lý mỏng dẫn đến việc chồng chéo nhiệm vụ.
- Cán bộ công nhân viên còn thiếu kinh nghiệm, bỡ ngỡ.
- Năng lực làm việc của một số thành viên trong ban lãnh đạo chủ chốt công ty chưa ngang tầm với yêu cầu hiện tại cần phải đào tạo gấp để đáp ứng.

Phương hướng hoạt động :

- Phát huy hết tối đa tác dụng của các phương tiện vận chuyên.
- Mở rộng thị trường tìm kiếm bạn hàng.
- Xây dựng, tổ chức tốt các kế hoạch kinh doanh, dịch vụ. Quản lý sử dụng vốn kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và không ngừng tăng cường vốn, chấp hành tốt chế độ tài chính của Nhà nước đồng thời làm tốt nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho mọi người.

2.1.2. Đặc điểm, tình hình công tác kế toán tại công ty:

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty :



Biểu 2.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Kế toán trưởng :

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về tình hình hạch toán kế toán và tình hình tài chính của công ty. Làm công tác đối ngoại thuộc phạm vi tài chính, đôn đốc, giám sát thực hiện các chính sách và chế độ tài chính kế toán.

- Phụ trách các phân hành kế toán phức tạp, lập BCTC.

Nhân viên kế toán :

- Tập hợp đầy đủ chứng từ đầu vào phục vụ cho việc hạch toán.
- Ghi chi tiết chứng từ thu – chi, làm phiếu thu – chi.
- Theo dõi tình hình vận chuyển hàng hóa, tính đơn giá vận chuyển.
- Theo dõi sổ sách giấy tờ của công ty.
- Phụ trách việc phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kế toán của một số phân hành kế toán đơn giản.

Thủ quỹ :

- Quản lý quỹ, tổng hợp sổ tiền mặt hàng ngày, thực hiện các nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ hợp lệ hợp pháp.

2.1.2.2. Hình thức kế toán áp dụng :

- Để thuận tiện, đơn giản và phản ánh kịp thời, đầy đủ khối lượng nghiệp vụ kinh tế của đơn vị, công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép, phản ánh, hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản. Việc mở sổ, ghi sổ, lưu trữ, bảo quản sổ kế toán được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ kế toán áp dụng tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông là chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006 – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phương thức thực hiện : tính toán số liệu trên Excel sau đó in ra.
- Năm tài chính của đơn vị được bắt đầu từ 1/1 kết thúc 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ : VNĐ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của các nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Hệ thống các chứng từ chi tiết được lưu trữ và phân loại tại đơn vị gồm :
 - ✓ Chứng từ về tiền : Chứng từ thu, chi được tập hợp thành sổ theo quý, hóa đơn cầu đường, hóa đơn xăng dầu, bảo dưỡng, phụ tùng,...
 - ✓ Chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh : Hợp đồng vận chuyển, hóa đơn giao hàng, nhận hàng, bảng báo giá....
 - ✓ Chứng từ về TSCĐ : Biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng thuê nhà...
 - ✓ Chứng từ liên quan đến lao động : hợp đồng lao động, kê khai tạm ứng,...
 - ✓ Chứng từ về công nợ : giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy báo có, báo nợ, giấy đề nghị thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ,...

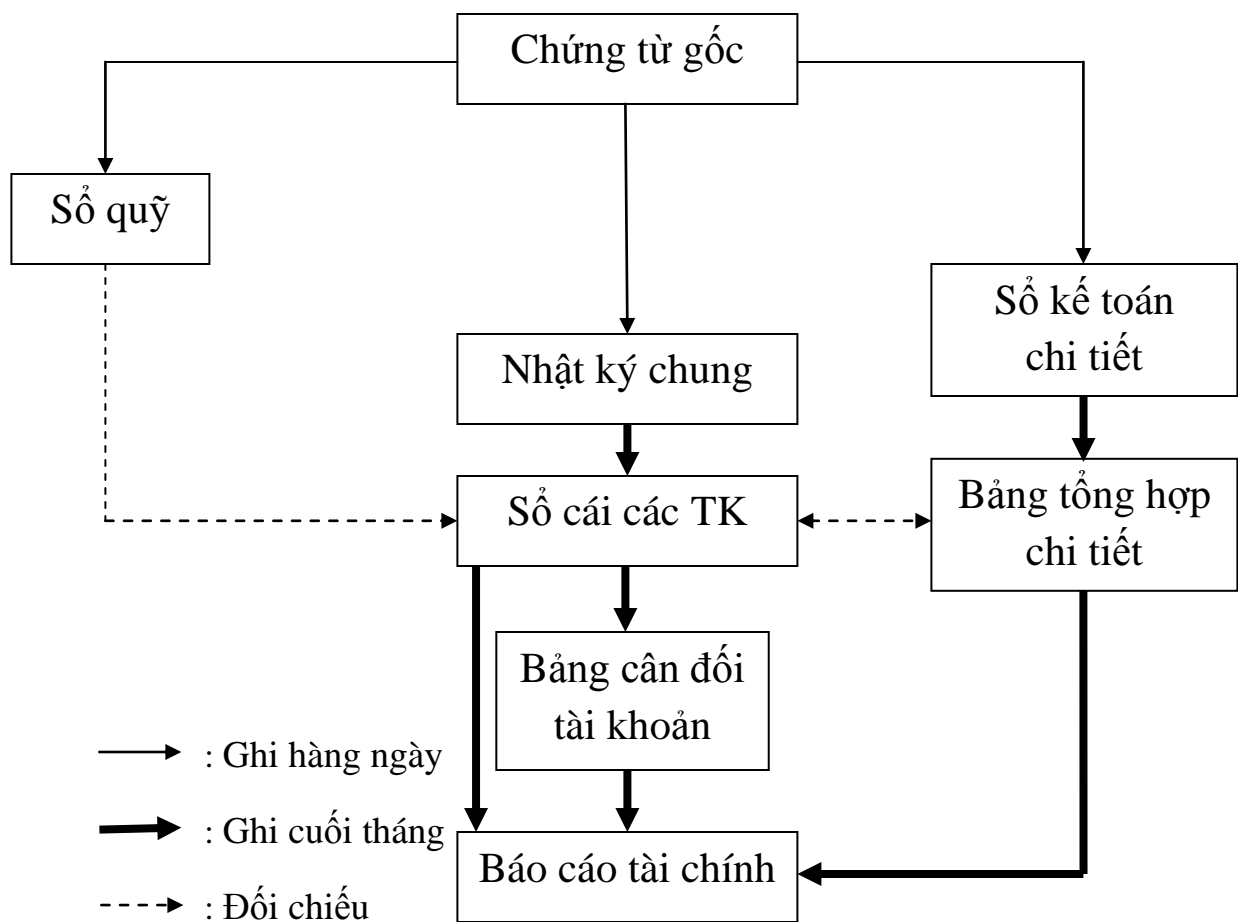
2.1.2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại đơn vị :

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết, sổ theo dõi có liên quan.

- Căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ theo dõi đơn hàng, vận chuyển. Định kỳ cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ theo dõi, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ. Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Biểu 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại đơn vị



2.1.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán :

Lập báo cáo tài chính là một công việc quan trọng, nó tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong một kỳ kế toán. Kế toán xác định kết quả kinh doanh lập vào cuối mỗi tháng, quý, năm. Với các số liệu đã tổng hợp được cùng với các báo cáo hoạt động kinh doanh của kỳ trước, cuối kỳ kế toán lập ra các báo cáo sau :

- Bảng cân đối kế toán Mẫu số B-01/DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B-02/DNN
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Mẫu số F02-DNN

- Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B-09/DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B-03/DNN

Báo cáo trên sau khi lập, kiểm tra, xem xét sẽ được trình lên Giám đốc xét duyệt, sau đó được gửi tới Chi cục thuế, Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng.

2.2. Thực trạng công tác hạch toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông :

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng trong tài sản ngắn hạn của Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông được hình thành chủ yếu trong quan hệ thanh toán. Hiện tại, công ty không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển mà chỉ sử dụng tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ :

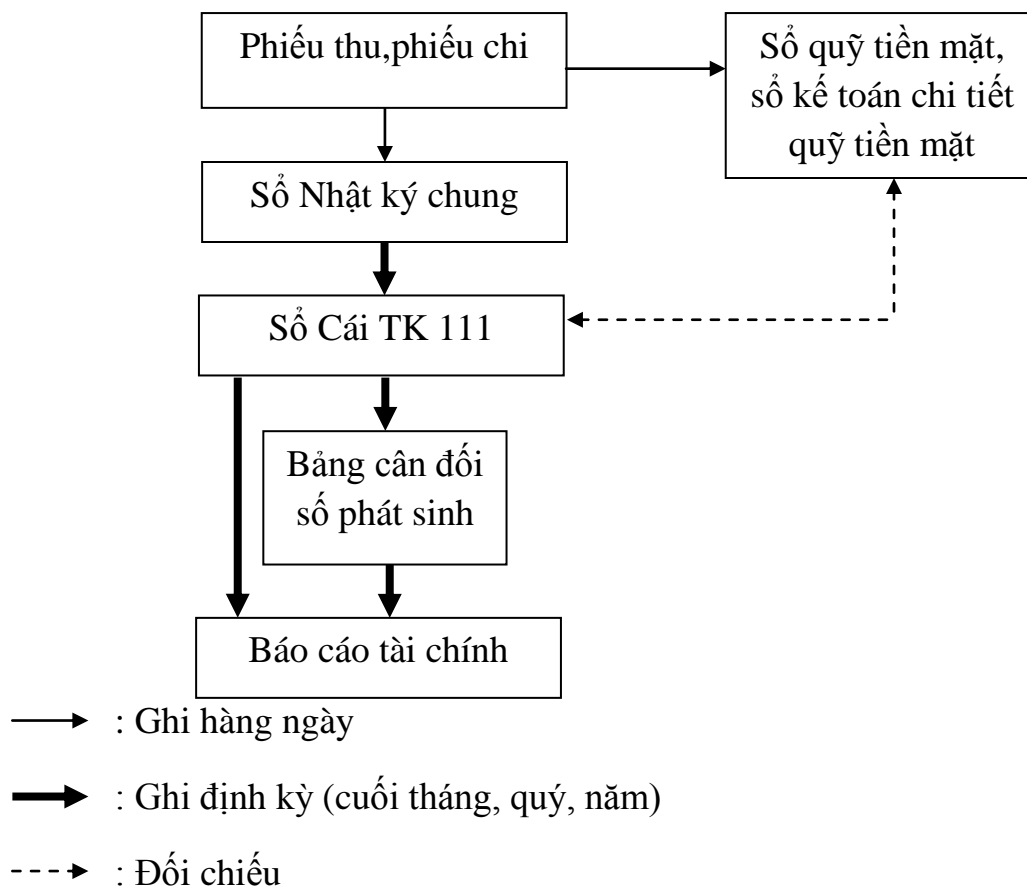
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng :

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng : TK 1111

2.2.1.3. Quy trình hạch toán :

Quy trình hạch toán nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt tại đơn vị được mô tả như sau :



Biểu 2.5 Quy trình hạch toán tiền mặt tại đơn vị

Đối với ngoại tệ, đơn vị áp dụng xuất quỹ ngoại tệ theo phương pháp FIFO.

* Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi:

- Khi nhận được các chứng từ gốc : Hóa đơn GTGT mua vào hoặc bán ra, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng,..., căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập phiếu thu, phiếu chi.

- Sau khi ghi đầy đủ các yếu tố trên phiếu thu(chi), phiếu thu(chi) sẽ được đính kèm với các chứng từ có liên quan để chuyển cho giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ xuất, nhập quỹ.

- Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc được chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán. Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu.

Phiếu chi :

+ Liên 1 : Lưu ở nơi lập phiếu

+ Liên 2 : Giao cho người nhận tiền

+ Liên 3 : Giao cho thủ quỹ để ghi sổ quỹ sau đó chuyển cho kế toán

Phiếu thu :

+ Liên 1 : Lưu ở nơi lập phiếu

+ Liên 2 : Giao cho người nộp tiền

+ Liên 3 : Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán để vào sổ kế toán

- Sổ quỹ do thủ quỹ quản lý, phải cập nhật và tính số tồn quỹ hàng ngày.

- Các chứng từ thanh toán đính kèm theo phiếu thu, phiếu chi phải hợp lệ và được kế toán kiểm tra trước khi lập phiếu. Các phiếu thu, chi phải đánh số thứ tự liên tục, đầy đủ.

* Quy trình luân chuyển chứng từ:

- Hàng ngày, các phiếu thu, phiếu chi,... kế toán đưa vào sổ lưu trữ chứng từ, ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

- Căn cứ vào Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ kế toán quỹ tiền mặt, sổ cái TK 111.

- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ các sổ cái để vào Bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh tổng hợp số liệu để lập các Báo cáo tài chính.

Sau đây là một số ví dụ về hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty :

Nghiệp vụ 1 : Ngày 20/12/2011, đơn vị rút TGNH tại ngân hàng Sacombank về nhập quỹ tiền mặt.

Sau khi làm thủ tục rút tiền tại ngân hàng, người rút tiền lĩnh tiền đem về công ty nộp lại cho thủ quỹ. Đồng thời, kế toán lập Phiếu thu chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ tiền mặt. Sau khi hoàn thành thủ tục rút tiền thì ngân hàng sẽ gửi Sổ phụ khách hàng và Giấy báo có về công ty. Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, sổ cái TK 112, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Mẫu số : MB.TTCTND/RT
Số ban hành : 1483/2009/QĐ-NQ&TT

GIẤY RÚT TIỀN MẶT
(CASH WITHDRAWAL)

Chủ tài khoản (account holder) : CN Cty TNHH

Ngày (Date) : 20/12/2011

TMXNK & VT Hàng Thông

Số GD (Ref No) :3708

Tài khoản số (Account No): 030002733788

Mã GDV (Teller ID) : 9484

Tại Sacombank-Công ty/PGD (At Sacombank-Branch) : HP

Số tiền rút bằng chữ(Amount in words) : (Tám mươi một triệu bảy
trăm nghìn đồng)

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI (Bank use only)
TÀI KHOẢN NỢ (Debit account) 030002733788

Người nhận tiền (Receiver) : Dín Cún Dầu

Số CMND/Hộ chiếu: 101034541 Ngày cấp: 08/06/2009 Nơi cấp: QN

(ID/PP No)

(Date)

(Place)

SỐ TIỀN BẰNG SỐ (Account in figures)
81.700.000 đ

Địa chỉ/ Điện thoại (Address/ Tel): 17/L6 Khu PG An Đông-An Dương-HP

Nội dung(Instruction):.....

Giấy rút tiền mặt này có giá trị từ ngày (The order is valid form) 20/12/2011 ngày (to) 20/12/2011

Số tiền chi trả (Paid in currency):..... Tỷ giá (Exchange rate):.....

Ngân hàng trích từ tài khoản: Có (Yes) Không (No)

Bank charge draw from Account)

Kế toán (Account)	Chủ tài khoản (Account holder)	Người nhận tiền (Receiver)
----------------------	-----------------------------------	-------------------------------

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (Bank use only)	
Xác nhận của đơn vị tiếp nhận Giao dịch viên Thủ quỹ Trưởng đơn vị (Teller) (Cashier) (Approved by)	Xác minh của Đơn vị quản lý tài khoản Giao dịch viên Trưởng đơn vị (Teller) (Approved by)

MỆNH GIÁ Denomination	SỐ LƯỢNG Quantity	THÀNH TIỀN Amount
500.000	160	80.000.000
200.000		
100.000	17	1.700.000
50.000		
20.000		
10.000		
5.000		
2.000		
1.000		
500		
200		
TỔNG CỘNG (Total)		81.700.000

Biểu 2.6 Giấy rút tiền mặt

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số: 1348

Nợ 1111: 81.700.000

Có 1121 : 81.700.000

Họ tên người nộp tiền : Dín Cún Dẫu

Địa chỉ: Giám đốc

Lý do nộp tiền : Rút tiền về quỹ

Số tiền: 81.700.000 đ

Viết bằng chữ : Tám mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Giấy rút tiền mặt

Đã nhận đủ tiền : 81.700.000 đ

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.7 Phiếu thu 1348

Nghiệp vụ 2 : Ngày 22/12/2012, thu tiền vận chuyển hàng hóa của công ty TNHH Shun lee Việt Nam bằng tiền mặt với số tiền là 8.626.200đ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT , kế toán lập phiếu thu kèm theo Hóa đơn GTGT và chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục nhập quỹ. Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, TK 511, TK 333,sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/11P
0046733

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty TNHH TM XNK và VT Hằng Thông
Địa chỉ: Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 5700724046-001

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Shun Lee Việt Nam

Địa chỉ: Km 88+900 Quốc lộ 5 – xã Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MST: 0200870963

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước vận chuyển hàng hóa				7.842.000

Cộng tiền hàng 7.842.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 784.200

Tổng cộng tiền thanh toán 8.626.200

Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.8 Hóa đơn GTGT 46733

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương – HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số: 1352

Nợ 1111: 8.626.200

Có 511: 7.842.000

Có 3331: 784.200

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH Shun Lee Việt Nam

Địa chỉ: Km 88+900 Quốc lộ 5 – xã Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Lý do nộp tiền : Thu tiền vận chuyển hàng hóa

Số tiền: 8.626.200đ

Viết bằng chữ : Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng

Kèm theo: HĐGTGT 46733 ngày 22/12/2011

Đã nhận đủ tiền : 8.626.200 đ

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.9 Phiếu thu 1352

Nghiệp vụ 3 : Ngày 10/12/2011, công ty mua dầu Diesel 0,05S của Công ty cổ phần TM & DV Việt Hùng với tổng giá thanh toán là 2.248.120đ

Kế toán sau khi xem xét giấy đề nghị thanh toán và chứng từ kèm theo sẽ trình lên giám đốc duyệt chi, sau đó viết phiếu chi, thủ quỹ tiến hành xuất quỹ.

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán, HĐGTGT, phiếu chi, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 111, sổ cái TK 133, sổ cái TK 632, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Đồng thời, thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/11P
0052413

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Cty cổ phần TM & DV Việt Hùng
Địa chỉ: Số 399 – Tôn Đức Thắng – An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 0200602587

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH TM XNK và VT Hằng Thông

Địa chỉ: Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đông – Huyện An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MST: 5700724046-001

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu Diesel 0,05S	lít	98	20.400	1.999.200
02	LPXD	lít			49.000

Cộng tiền hàng 1.999.200

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 199.920

Tổng cộng tiền thanh toán 2.248.120

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.10 Hóa đơn GTGT 52413

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông

Mẫu số: 05 - TT

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: - Giám đốc Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông
- Phòng kế toán

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Duy Trung

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng vận chuyên

Nội dung thanh toán: Đề nghị lãnh đạo công ty thanh toán tiền dầu

Số tiền: 2.248.120 VNĐ (Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn.

(Kèm theo: 01 chứng từ gốc)

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách đơn vị	Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.11 Giấy đề nghị thanh toán tiền dầu ngày 10/12/2011

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Số: 1266

Nợ 632 : 2.048.200

Nợ 1331 : 199.920

Có 1111 : 2.248.120

Họ tên người nhận tiền : Trần Duy Trung

Địa chỉ: Nhân viên phòng vận chuyển

Lý do chi : Thanh toán tiền mua dầu Diesel

Số tiền: 2.248.120đ

Viết bằng chữ : Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn

Kèm theo: 02 chứng từ gốc (HĐGTGT, giấy đề nghị thanh toán)

Đã nhận đủ tiền :

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.12 Phiếu chi 1266

Nghiệp vụ 4 : Ngày 10/12/2012, thanh toán tiền bảo dưỡng xe tải cho Công ty cổ phần TM XNK Duy Phú với tổng giá thanh toán là 1.177.000đ.

Kế toán sau khi xem xét giấy đề nghị thanh toán và chứng từ kèm theo sẽ trình lên giám đốc duyệt chi, sau đó viết phiếu chi, thủ quỹ tiến hành xuất quỹ.

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán, HĐGTGT, phiếu chi, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 111, sổ cái TK 133, sổ cái TK 6421, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Đồng thời, thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/11P
0041050

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Cty cổ phần TM XNK Duy Phú
 Địa chỉ: Số 104 T.4 Cam lộ I – Hùng Vương – Hồng Bàng - HP
 Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 0201027107

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH TM XNK và VT Hằng Thông
 Địa chỉ: Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MST: 5700724046-001

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Làm thùng xe				500.000
	Sơn hậu xe				320.000
	Thay dầu máy				250.000

Cộng tiền hàng 1.070.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 107.000

Tổng cộng tiền thanh toán 1.177.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn

Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.13 Hóa đơn GTGT 41050

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17A/L6 Khu đô thị PG – An Dương – HP

Mẫu số: 05 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: - Giám đốc Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông
- Phòng kế toán

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Duy Trung

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng vận chuyển

Nội dung thanh toán: Đề nghị lãnh đạo công ty thanh toán tiền bảo dưỡng xe.

Số tiền: 1.177.000 VNĐ (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn

(Kèm theo: 01 chứng từ gốc)

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách đơn vị	Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.14 Giấy đề nghị thanh toán tiền bảo dưỡng xe ngày 10/12/2011

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Số: 1267

Nợ 6421 : 1.070.000

Nợ 1331 : 107.000

Có 1111 : 1.177.000

Họ tên người nhận tiền : Trần Duy Trung

Địa chỉ: Nhân viên phòng vận chuyển

Lý do chi : Thanh toán tiền bảo dưỡng xe

Số tiền: 1.177.000đ

Viết bằng chữ : Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc (HĐGTGT, giấy đề nghị thanh toán)

Đã nhận đủ tiền :

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.15 Phiếu chi 1267

Nghiệp vụ 5 : Ngày 5/12/2012, công ty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd thanh toán tiền vận chuyển hàng hóa với tổng giá thanh toán là 3.349,5NDT, tỷ giá giao dịch : 1NDT = 3.251VND.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT , kế toán lập phiếu thu kèm theo Hóa đơn GTGT và chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục nhập quỹ. Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, TK 511, TK 333, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ.

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/11P
0046707

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty TNHH TM XNK và VT Hằng Thông
Địa chỉ: Số 17^A/L6 Khu đô thị PG An Đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 5700724046-001

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd

Địa chỉ: Số 32 đại lộ Bắc Luân – Đông Hưng – Trung Quốc

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MST: 0200664142

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước vận chuyển hàng hóa theo HĐKT số 59/HĐKT 1NDT = 3.251VND	kg	1.015	3 NDT	3.045NDT

Cộng tiền hàng 9.899.295

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 989.930

Tổng cộng tiền thanh toán 10.889.225

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu tám trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.16 Hóa đơn GTGT 46707

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương – HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Số: 1321

Nợ 1112: 3.349,5

Có 511: 3.045

Có 3331: 304.5

Nợ 007 : 3.349,5

Họ tên người nộp tiền: Công ty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd

Địa chỉ: Số 32 đại lộ Bắc Luân – Đông Hưng – Trung Quốc

Lý do nộp tiền : Thu tiền vận chuyển hàng hóa

Số tiền: 3.349,5 NDT

Viết bằng chữ : Ba nghìn ba trăm bốn mươi chín tệ năm hào.

Kèm theo: HĐGTGT 0046707

Đã nhận đủ tiền : 3.349,5 NDT

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) : 1NDT = 3.251VND

Số tiền quy đổi : 10.889.225đ

Biểu 2.17 Phiếu thu 1321

Nghiệp vụ 6 : Ngày 21/12/2011, công ty xuất bán 6.000 NDT thu về 19.572.000đ với tỷ giá giao dịch là 1NDT = 3.262VND.

Áp dụng phương pháp Nhập trước – xuất trước, kế toán tính trị giá ngoại tệ xuất quỹ :

$$\begin{aligned}\text{Trị giá ngoại tệ xuất quỹ} &= 2.675 \times 3.273 + 3.325 \times 3.241 \\ &= 19.531.600\end{aligned}$$

$$\text{Lãi tỷ giá} = 6.000 \times 3.262 - 19.531.600 = 40.400$$

Kế toán lập phiếu chi và chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ ngoại tệ. Với thủ tục nhập quỹ tiền mặt tiến hành tương tự. Kế toán căn cứ phiếu thu, phiếu chi để ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, 515, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Số: 1284

Có 007 : 6.000 NDT

Họ tên người nhận tiền : Phạm Việt Hà

Địa chỉ: Nhân viên phòng kế toán

Lý do chi : Xuất bán ngoại tệ

Số tiền: 6.000NDT

Viết bằng chữ : Sáu nghìn tệ

Kèm theo:

Đã nhận đủ tiền :

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) : $1\text{NDT} = 3.273\text{VNĐ}$, $1\text{NDT} = 3.241\text{VNĐ}$

Số tiền quy đổi : 19.351.600đ

Biểu 2.18 Phiếu chi 1284

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương – HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Số: 1349

Nợ 1111 : 19.572.000

Có 1112 : 19.531.600

Có 515 : 40.400

Họ tên người nộp tiền: Phạm Việt Hà

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp tiền : Thu tiền bán ngoại tệ

Số tiền: 19.572.000đ

Viết bằng chữ : Mười chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:

Đã nhận đủ tiền : 19.572.000đ

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên,	trưởng	tiền	phiếu	
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.19 Phiếu thu 1349

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: VNĐ

(Thủ quỹ lập)

NT GS	NT CT	SHCT		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				Số dư đầu tháng			<u>360.151.157</u>	
01/12	01/12		PC- 1256	Đổ mực in		160.000	359.991.159	
01/12	01/12		PC- 1257	Thanh toán tiền mua dầu Diesel		4.222.000	355.769.157	
...	
10/12	10/12		PC- 1266	Thanh toán tiền dầu Diesel		2.248.120	239.513.606	
10/12	10/12		PC- 1267	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe		1.177.000	238.336.606	
10/12	10/12		PC- 1268	Phí đường bộ		1.000.000	237.336.606	
11/12	11/12	PT- 1334		Thu tiền cước vận chuyển công ty TNHH Hải Long	10.413.700		247.750.306	
...	
20/12	20/12	PT- 1348		Rút tiền ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	81.700.000		353.894.245	
21/12	21/12	PT- 1349	PC- 1284	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	19.572.000		373.466.245	
...	
22/12	22/12	PT- 1352		Thu tiền cước vận chuyển công ty Shunlee Việt Nam	8.626.200		421.144.629	
...	
				Cộng phát sinh tháng 12	823.091.647	704.078.822		
				Số dư cuối tháng			<u>479.163.982</u>	
				Cộng lũy kế số phát sinh	8.898.950.924	8.529.957.322		

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.20 Sổ quỹ tiền mặt (VNĐ)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: NDT

(Thủ quỹ lập)

NT GS	NT CT	SHCT		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				Số dư đầu tháng			<u>18.574</u>	
04/12	04/12	1320		Thu tiền cước vận chuyển công ty Raey Hong International Co.Ltd	4.620		23.194	
05/12	05/12	1321		Thu tiền cước vận chuyển công ty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd	3.349,5		26.543,5	
...	
18/12	18/12	1344		Thu tiền cước vận chuyển công ty Elegane Ltd	2.475		31.713,3	
20/12	20/12	1347		Thu tiền cước vận chuyển công ty China Commercial Offshore Ltd	3.795		<u>35.508,3</u>	
21/12	21/12	1349	1284	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ		6.000	<u>29.508,3</u>	
...	
				Cộng phát sinh tháng 12	51.297	33.533		
				Số dư cuối tháng			<u>36.338</u>	
				Cộng lũy kế số phát sinh	597.909,2	580.591,2		

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.21 Sổ quỹ tiền mặt (NDT)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

ĐVT : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
		Tháng 12/2011			
PC-1256	01/12	Đồ mực in	6422	160.000	
			1111		160.000
PC-1257	01/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632	3.852.046	
			1331	369.954	
			1111		4.222.000
GBC-449TT	02/12	Gửi tiền vào tài khoản	1121	120.000.000	
			1111		120.000.000
.....
PT-1321	05/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd	1112	10.889.225	
			511		9.899.295
			3331		989.930
.....
PC-1266	10/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632	2.048.200	
			1331	199.920	
			1111		2.248.120
PC-1267	10/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	6421	1.070.000	
			1331	107.000	
			1111		1.177.000

GBN-460FT	11/12	Thanh toán tiền dầu cho Cty CP Quốc Tuấn	331	140.670.000	
			1121		140.670.000
GBC-463FT	11/12	Cty CP SX TM Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán tiền vận chuyển	1121	94.425.000	
			131		94.425.000
.....
PT-1348	20/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	1111	81.700.000	
			1121		81.700.000
PC-1284 PT-1349	21/12	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	1111	19.572.000	
			1112		19.531.600
			515		40.400
PC-1272	21/12	Tạm ứng công tác	141	2.000.000	
			1111		2.000.000
.....
PT-1352	22/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty TNHH Shunlee Việt Nam	1111	8.626.200	
			511		7.842.000
			3331		784.200
.....
		<u>Cộng cuối kỳ</u>		<u>116.148.291.479</u>	<u>116.148.291.479</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.22 Nhật ký chung

SỔ CÁI

Năm : 2011

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

ĐVT : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng		<u>421.167.447</u>		
01/12	PC- 1256	01/12	Đổ mực in	6422		160.000	
01/12	PC- 1257	01/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632		3.852.046	
				1331		369.954	
...	
05/12	PT- 1321	05/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd	511	9.899.295		
				3331	989.930		
...	
10/12	PC- 1266	10/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632		2.048.200	
				1331		199.920	
10/12	PC- 1267	10/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	6421		1.070.000	
				1331		107.000	
10/12	PC- 1268	10/12	Phí đường bộ	6421		1.000.000	
...	
20/12	PT- 1348	20/12	Rút TGNH nhập quỹ TM	1121	81.700.000		

21/12	PC- 1284 PT- 1349	21/12	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	515	40.400		
...	
22/12	PT- 1352	22/12	Thu tiền vận chuyển Cty TNHH Shunlee Việt Nam	511	7.842.000		
				3331	784.200		
...	
			Cộng phát sinh tháng 12		990.217.273	812.535.668	
			Dư cuối tháng		<u>598.849.052</u>		
			Cộng lũy kế số phát sinh		10.867.268.019	10.441.298.287	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.23 Sổ cái TK 111

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : 1111
Loại quỹ : Tiền Việt Nam
Năm : 2011

Đơn vị tính : VNĐ

NT GS	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				Số dư đầu tháng				<u>360.151.157</u>	
01/12	01/12		1256	Đổ mực in	6422		160.000	359.991.157	
01/12	01/12		1257	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632		3.852.046	356.139.111	
					1331		369.954	355.769.157	
...
10/12	10/12		1266	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632		2.048.200	239.713.526	
					1331		199.920	239.513.606	
10/12	10/12		1267	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	6421		1.070.000	238.443.606	
					1331		107.000	238.336.606	
10/12	10/12		1268	Phí đường bộ	6421		1.000.000	237.336.606	
...
20/12	20/12	1348		Rút TGNH nhập quỹ TM	1121	81.700.000		353.894.245	
21/12	21/12	1349	1284	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	1112	19.531.600		373.425.845	
					515	40.400		373.466.245	
...
22/12	22/12	1352		Thu tiền vận chuyển Cty TNHH Shunlee Việt Nam	511	7.842.000		421.928.829	
					3331	784.200		422.713.029	

...
				Cộng phát sinh tháng 12	823.091.647	704.078.822			
				Dư cuối kỳ				<u>479.163.982</u>	
				Cộng lũy kế số phát sinh	8.898.950.924	8.529.957.322			

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.24 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Tiền Việt Nam)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : 1112

Loại quỹ : Nhân dân tệ

Năm : 2011

Đơn vị tính : VNĐ

NT GS	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				Số dư đầu tháng				<u>61.016.290</u>	
04/12	04/12	1320		Thu tiền cước vận chuyển công ty Raey Hong International Co.Ltd	511	13.797.000		74.813.290	
					3331	1.379.000		76.192.290	
05/12	05/12	1321		Thu tiền cước vận chuyển công ty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd	511	9.899.295		86.091.585	
					3331	989.930		87.081.515	
...
18/12	18/12	1344		Thu tiền cước vận chuyển công ty Elegane Ltd	511	7.456.500		104.495.323	
					3331	745.650		105.240.973	
20/12	20/12	1347		Thu tiền cước vận chuyển công ty China Commercial Offshore Ltd	511	11.367.750		116.608.723	
					3331	1.136.775		117.745.498	
21/12	21/12	1349	1284	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	1111		19.531.600	98.213.898	
...

			Cộng phát sinh tháng 12	167.125.626	108.456.846		
			Dư cuối tháng			<u>119.685.070</u>	
			Cộng lũy kế số phát sinh	1.968.317.285	1.911.341.155		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.25 Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Nhân dân tệ)

CNCty TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : 111

Quỹ tiền mặt	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tiền Việt Nam	110.170.380		8.898.950.924	8.529.957.322	479.163.982	
Ngoại tệ	62.708.940		1.968.317.285	1.911.341.155	119.685.070	
Tổng	172.879.320		10.867.268.019	10.441.298.287	598.849.052	

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.26 Bảng tổng hợp chi tiết quỹ tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng :

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận chủ yếu của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Việc gửi, rút hoặc trích để chi trả bằng tiền ngân hàng phải có chứng từ nộp, lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112. Tài khoản này phản ánh tình hình tăng giảm và còn lại của tất cả các khoản tiền của công ty gửi tại ngân hàng.

Hiện công ty chỉ mở duy nhất một tài khoản tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Hải Phòng với mã số tài khoản là 030002733788.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng :

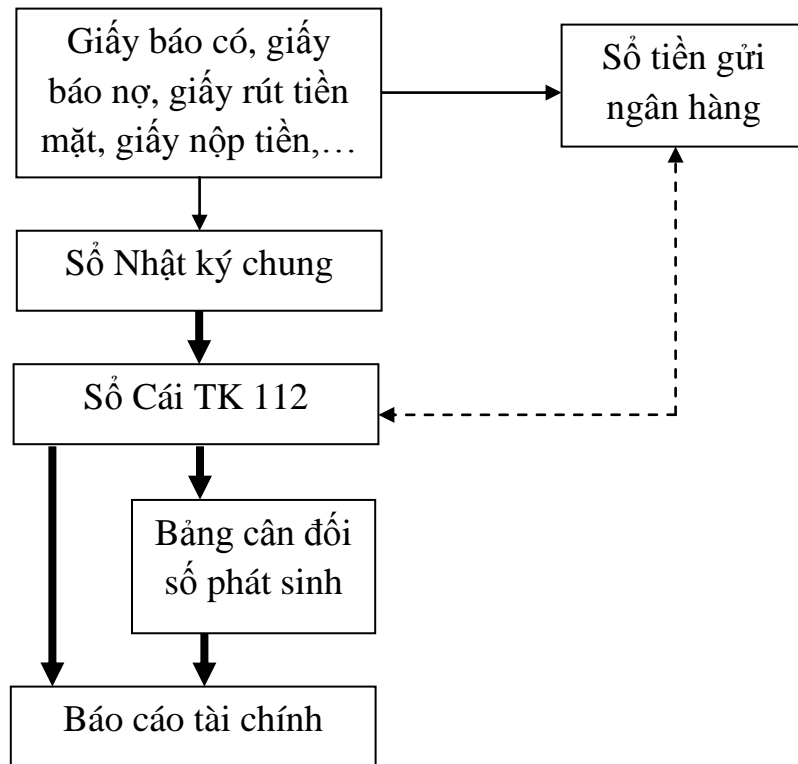
- Giấy báo Nợ.
- Giấy báo Có.
- Các chứng từ liên quan : Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản,...
- Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, căn cứ vào các chứng từ gốc như : Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, giấy báo có, kế toán tiền gửi ngân hàng tiến hành ghi chép vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết tài khoản tiền gửi ngân hàng.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng :

Để phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 112.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán :

Hàng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra đối chiếu với ngân hàng như : giấy báo Nợ, giấy báo Có, ủy nhiệm chi,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 112,... đồng thời ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng.



—→ : Ghi hàng ngày

→ : Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)

- - - → : Đối chiếu

Biểu 2.27 Quy trình hạch toán TGNH tại công ty

Sau đây là một số ví dụ về hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng của công ty:

Nghiệp vụ 1 : Ngày 20/12/2011, đơn vị rút TGNH tại ngân hàng Sacombank về nhập quỹ tiền mặt.

Sau khi làm thủ tục rút tiền tại ngân hàng, người rút tiền lĩnh tiền đem về công ty nộp lại cho thủ quỹ. Đồng thời, kế toán lập Phiếu thu chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ tiền mặt. Sau khi hoàn thành thủ tục rút tiền thì ngân hàng sẽ gửi Sổ phụ khách hàng và Giấy báo có về công ty. Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, sổ cái TK 112, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt. Thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt.

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH TM XNK & VT HẰNG
THÔNG
Địa chỉ: 17A/L6 KHU ĐÔ THỊ PG AN ĐỒNG - HẢI
PHÒNG
Mã số thuế: 5700724046-001
Số ID khách hàng: 20103788

Số TK : **030002733788**
Loại tiền: **VND**
Loại TK: TIEN GUI
THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:
TT 0813200477

Chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của Quý khách số tiền chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Rút tiền mặt	81.700.000,00
Tổng số tiền	81.700.000,00

Số tiền bằng chữ: Tám mươi một triệu bảy trăm nghìn VND chẵn./

Trích yếu: RUT TIEN KHOI TAI KHOAN

Lập phiếu
(*ký, họ tên*)

Kiểm soát
(*ký, họ tên*)

Kế toán trưởng
(*ký, họ tên*)

Biểu 2.28 Phiếu báo nợ 477TT

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số: 1348

Nợ 1111: 81.700.000

Có 1121 : 81.700.000

Họ tên người nộp tiền : Dín Cún Dẫu

Địa chỉ: Giám đốc

Lý do nộp tiền : Rút tiền về quỹ

Số tiền: 81.700.000 đ

Viết bằng chữ : Tám mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Giấy rút tiền mặt

Đã nhận đủ tiền : 81.700.000 đ

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.29 Phiếu thu 1348

Nghiệp vụ 2 : Ngày 11/12/2011, công ty thanh toán tiền dầu Diezel cho công ty CP Quốc Tuấn bằng tiền gửi ngân hàng với tổng giá thanh toán là 140.670.000đ.

Kế toán viết Ủy nhiệm chi gửi lên ngân hàng yêu cầu chuyển tiền thanh toán. Sau khi thực hiện chuyển khoản, ngân hàng sẽ gửi Sổ phụ khách hàng và Giấy báo nợ về công ty.

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Cá nhân/ Đơn vị chuyển tiền (Remitter) : CN Cty TNHH

Số GD (Ref No.): 4712

TM XNK & VT Hàng Thông

Tài khoản số (Account No): 030002733788

Mã GDV (Teller ID) : 9484

Tại Sacombank-Công ty/PGD (At Sacombank-Branch) : HP

Cá nhân/ Đơn vị thụ hưởng (Beneficiary) : Công ty CP Quốc Tuấn

Tài khoản số : 102 2048 121 3010

Số CMND/ Hộ chiếu: Ngày cấp :.....Nơi cấp :.....

(ID/PP No.) (Date) (Place)

Địa chỉ/ Điện thoại (Address/Tel) : 26/261 Trần Nguyễn Hãn – Lê Chân – HP

Tại ngân hàng : Techcombank Hải Phòng

Tỉnh/TP (Pronvice/City) : Hải Phòng

Số tiền bằng chữ (Amount in words) : Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung thanh toán (Intruccion) : Thanh toán tiền dầu Diezel cho công ty CP Quốc Tuấn

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI (Bank use only)
TÀI KHOẢN NỢ (Debit account) 030002733788
TÀI KHOẢN CÓ (Credit account)

SỐ TIỀN BẰNG SỐ (Account in figures)
140.670.000 đ

CÁ NHÂN/ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN(Remitter) Ngày lập (Issue date)...../...../.....	Sacombank - Ghi sổ ngày (Settlement date)..../..	NGÂN HÀNG B (Beneficiary bank)... Ghi sổ ngày (Settlement date)...../...../.....
Kế toán (Account)	Chủ tài khoản (Account holder)	Kế toán (Account)
	Trưởng đơn vị (Approved by)	Trưởng đơn vị (Account)

Biểu 2.30 Ủy nhiệm chi

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH TM XNK & VT HẰNG
THÔNG
Địa chỉ: 17A/L6 KHU ĐÔ THỊ PG AN ĐỒNG - HẢI
PHÒNG
Mã số thuế: 5700724046-001
Số ID khách hàng: 20103788

Số TK : **030002733788**
Loại tiền: **VND**
Loại TK: TIEN GUI
THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:
FT 0813200460

Chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của Quý khách số tiền chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả tiền đầu cho Cty CP Quốc Tuấn	140.670.000,00
Tổng số tiền	140.670.000,00

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn VND chẵn./

Trích yếu: CHUYỂN TIỀN THANH TOÁN CHO CTY CP QUỐC TUẤN

Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.31 Phiếu báo nợ 460FT

Nghiệp vụ 3 : Ngày 11/12/2011, Cty cổ phần sản xuất thương mại Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán cước vận chuyển với tổng tiền thanh toán là 94.425.000 đồng.

Khi tiền được chuyển vào tài khoản, ngân hàng sẽ gửi Giấy Báo Có và Sổ phụ ngân hàng để thông báo cho công ty.

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PHIẾU BÁO CỐ

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH TM XNK & VT HẰNG
THÔNG
Địa chỉ: 17A/L6 KHU ĐÔ THỊ PG AN ĐỒNG - HẢI
PHÒNG
Mã số thuế: 5700724046-001
Số ID khách hàng: 20103788

Số TK : **030002733788**
Loại tiền: **VND**
Loại TK: TIEN GUI
THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:
FT 0813200463

Chúng tôi xin thông báo đã ghi CỐ tài khoản của Quý khách số tiền chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Cty CP SX TM Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán tiền vận chuyển	94.425.000,00
Tổng số tiền	94.425.000,00

Số tiền bằng chữ: Chín mươi tư triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn VND chẵn./

Trích yếu : CTY CP SX TM HỮU NGHỊ ĐÀ NẰNG THANH TOÁN TIỀN VẬN CHUYỂN

Lập phiếu

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.32 Phiếu báo có 463FT

Nghiệp vụ 4 : Ngày 2/12/2011 Công ty xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng Sacombank. Số tiền là 120.000.000đ

Khi được lệnh xuất quỹ, kế toán lập Phiếu chi. Người nộp tiền nhận tiền từ thủ quỹ mang đến ngân hàng. Tại ngân hàng phát hành Giấy nộp tiền ghi nhận số tiền công ty đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền, ngân hàng sẽ gửi Giấy báo Có và Sổ phụ ngân hàng về công ty.

Đơn vị : CNCty TNHH TMXNK & VT Hàng Thông

Địa chỉ : Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số: 1258

Nợ 1121 : 120.000.000

Có 1111 : 120.000.000

Họ tên người nhận tiền : Trần Minh Tâm

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Nộp tiền vào tài khoản

Số tiền: 120.000.000đ

Viết bằng chữ : Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo:

Đã nhận đủ tiền :

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

Biểu 2.33 Phiếu chi 1258

SACOMBANK
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PHIẾU BÁO CÁO

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: CN CTY TNHH TM XNK & VT HẰNG
THÔNG
Địa chỉ: 17A/L6 KHU ĐÔ THỊ PG AN ĐỒNG - HẢI
PHÒNG
Mã số thuế: 5700724046-001
Số ID khách hàng: 20103788

Số TK : **030002733788**
Loại tiền: **VND**
Loại TK: TIEN GUI
THANH TOAN
Số bút toán hạch toán:
TT 0813200449

Chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của Quý khách số tiền chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Nộp tiền vào tài khoản	120.000.000,00
Tổng số tiền	120.000.000,00

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu VND chẵn./

Trích yếu: NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN

Lập phiếu
(ký, họ tên)

Kiểm soát
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.34 Phiếu báo có 449TT

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

ĐVT : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
		Tháng 12/2011			
PC-1256	01/12	Đổ mực in	6422	160.000	
			1111		160.000
PC-1257	01/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632	3.852.046	
			1331	369.954	
			1111		4.222.000
GBC-449TT	02/12	Gửi tiền vào tài khoản	1121	120.000.000	
			1111		120.000.000
.....
PT-1321	05/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty Tien Yih Hsing Tading Co.Ltd	1112	10.889.225	
			511		9.899.295
			3331		989.930
.....
PC-1266	10/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	632	2.048.200	
			1331	199.920	
			1111		2.248.120
PC-1267	10/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	6421	1.070.000	
			1331	107.000	
			1111		1.177.000

GBN-460FT	11/12	Thanh toán tiền đầu cho Cty CP Quốc Tuấn	331	140.670.000	
			1121		140.670.000
GBC-463FT	11/12	Cty CP SX TM Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán tiền vận chuyển	1121	94.425.000	
			131		94.425.000
.....
PT-1348	20/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	1111	81.700.000	
			1121		81.700.000
PC-1284 PT-1349	21/12	Xuất quỹ ngoại tệ đem bán và thu tiền bán ngoại tệ	1111	19.572.000	
			1112		19.530.000
			515		42.000
PC-1272	21/12	Tạm ứng công tác	141	2.000.000	
			1111		2.000.000
.....
PT-1352	22/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty TNHH Shunlee Việt Nam	1111	8.626.200	
			511		7.842.000
			3331		784.200
.....
		<u>Cộng cuối kỳ</u>		<u>161.148.291.479</u>	<u>161.148.291.479</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.35 Nhật ký chung

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch : Ngân hàng Sài Gòn thương tín Sacombank

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi : 030002733788

Năm : 2011

ĐVT : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Còn lại
...
			Số dư đầu tháng				<u>420.470.164</u>
02/12	GBC- 449TT	11/12	Gửi tiền vào TK	1111	120.000.000		540.470.164
...
07/12	GBN- 455FT	07/12	Thanh toán tiền xăng	632		14.476.800	603.714.605
			Mogas 92 cho Cty CP TM & DV Việt Hùng	1331		1.378.080	602.336.525
...
11/12	GBN- 460FT	11/12	Thanh toán tiền dầu Diezel cho Cty CP Quốc Tuấn	331		140.670.000	597.160.030
11/12	GBC- 463FT	11/12	Cty CP SX TM Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán tiền vận chuyển	131	94.425.000		691.585.030
...
20/12	PT- 1348	20/12	Rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt	1111		81.700.000	835.110.926
...
			Cộng phát sinh trong tháng 12		1.373.382.982	872.442.925	
			Số dư cuối tháng				<u>921.410.221</u>
			Cộng phát sinh trong kỳ		19.160.595.788	18.649.177.121	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.36 Sổ tiền gửi ngân hàngCNCty TNHH TMXNK & VT Hằng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HPMẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm : 2011

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

ĐVT : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số	Ngày			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng		<u>420.470.164</u>		
02/12	GBC- 449TT	11/12	Gửi tiền vào tài khoản	1111	120.000.000		
...	
07/12	GBN- 455FT	07/12	Thanh toán tiền xăng Mogas 92 cho Cty CP TM & DV Việt Hùng	632		14.476.800	
				1331		1.378.080	
...	
11/12	GBN- 460FT	11/12	Thanh toán tiền dầu Diezel cho Cty CP Quốc Tuấn	331		140.670.000	
11/12	GBC- 463FT	11/12	Cty CP SX TM Hữu Nghị Đà Nẵng thanh toán tiền vận chuyển	131	94.425.000		
...	
19/12	PT- 1348	19/12	Rút tiền gửi về nhập quỹ tiền	1111		81.700.000	

			mặt				
...	
			Cộng phát sinh tháng 12		1.373.382.982	872.442.925	
			Dư cuối tháng		<u>921.410.221</u>		
			Cộng lũy kế số phát sinh		19.160.595.788	18.649.177.121	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.37 Sổ cái TK 112

2.2.3. Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm của ngoại tệ:

Tỷ giá cuối năm 1NDT = 3.330 VND

Ngoại tệ tồn quỹ tiền mặt : 36.338 NDT

$$\begin{aligned} \text{Chênh lệch tỷ giá} &= (12.160 \times 3.291 + 24.178 \times 3.295) - 36.338 \times 3.330 \\ &= - 1.320.470 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản :

Nợ TK 413 : 1.320.470

Có TK 111 :1.320.470

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM XNK & VT HẰNG THÔNG

3.1. Nhận xét, đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông:

Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông là một doanh nghiệp tư nhân mới được thành lập từ năm 2009. Sau gần ba năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh thương mại đến nay, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách để dần khẳng định vị thế của mình. Mặc dù là một doanh nghiệp có tuổi đời còn non trẻ nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả phân đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo. Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó giúp cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín được nâng cao, hoạt động kinh doanh mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình kinh doanh, công ty đã thực hiện tốt những kế hoạch, nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động có tính linh hoạt cao nhất trên bảng Báo cáo tài chính. Nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của công ty

tại thời điểm. Ý thức được tầm quan trọng của vốn bằng tiền và để đáp ứng nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm, chi phí,... nhằm đảm bảo công tác kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cao, công ty đã tổ chức quản lý một cách tối đa vốn bằng tiền.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức hợp lý và hoạt động có nề nếp, khoa học. Các cán bộ kế toán nhiệt tình yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trong nghiệp vụ đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Công tác quản lý, hạch toán kinh doanh nói chung, công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông, em thấy công tác kế toán nói chung, kế toán vốn bằng tiền nói riêng của công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông :

Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường giúp cho Giám đốc điều hành công ty hiệu quả.

Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của các chứng từ được tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Các số liệu sau khi được tổng hợp sẽ được kế toán trưởng kiểm tra.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh, các qui định tài chính về thanh toán, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng nâng cao do thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo, nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao.

Hiện nay, Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông đang áp dụng hình thức Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán tương đối đơn giản và thuận tiện cho việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, hệ thống hóa các nghiệp vụ theo tài khoản. Hình thức kế toán này phù hợp với mô hình công ty nhỏ và vừa.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể, chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Tiền mặt của công ty được quản lý tại quỹ do thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi. Thủ quỹ là người trung thực, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán, do vậy đã tránh được tình trạng tham ô công quỹ, sai sót khi hạch toán.

Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét và Giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền, thủ quỹ...sau đó mới chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Vì vậy, không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi đều hợp lý, có mục đích rõ ràng.

Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi Ngân hàng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng, chặt chẽ hơn.

Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ quá trình thu chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng để phục vụ nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục, đem lại hiệu quả cao.

Như vậy, công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của công ty đề ra : Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trùng lặp ghi chép mà vẫn đảm bảo tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu. Em nhận thấy việc tổ chức công tác kế toán ở công ty là phù hợp.

3.1.2. Những tồn tại về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hàng Thông :

Về cơ bản, tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty đã tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể cũng như đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung. Tuy nhiên, trong quá trình hạch toán vẫn còn một số tồn tại sau:

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà vẫn đang áp dụng kế toán thủ công, như vậy vừa tốn nhân lực vừa không đem lại hiệu quả cao trong công việc. Kế toán thủ công mất nhiều thời gian, độ chính xác không cao, đôi khi còn không đảm bảo tiến độ thời gian yêu cầu.

Công ty không hạch toán tiền đang chuyên: Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Hiện nay, công ty lại không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyên để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

Mặt khác, khi giao dịch thương mại với khách hàng có thể họ thanh toán ngay cho doanh nghiệp nhưng cũng có trường hợp khách hàng nợ, khi đến hết hạn mà vẫn chưa trả. Tuy nhiên, kế toán công ty không tiến hành trích khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới việc thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Về hình thức thanh toán: Việc thanh toán thông qua hệ thống Ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

Cuối tháng hoặc định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp nhiều khó khăn. Như vậy, sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của công ty.

Công ty không sử dụng nhật ký đặc biệt – cụ thể là nhật ký thu – chi mà số lượng các nghiệp vụ lớn, dày đặc, nếu không mở sổ nhật ký đặc biệt sẽ khiến công ty khó theo dõi, kiểm soát được tình hình kinh doanh, thu – chi.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông :

Qua phần thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông, nhìn chung công tác quản lý, hạch toán vốn bằng tiền trong công ty là tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Là một sinh viên thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông, sau một thời gian tìm hiểu về tất cả các phần hành kế toán nói chung và đi sâu tìm hiểu phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, được sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của các thầy cô giáo và các cán bộ trong công ty nhất là phòng kế toán, em xin có một vài biện pháp đề xuất nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

3.2.1. Tin học hóa công tác kế toán :

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vì hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng mà giá cả lại không đắt. Nếu

cán bộ kế toán công ty khai thác hết hiệu quả sử dụng máy vi tính thì sẽ giúp cho công tác hạch toán kế toán của công ty ngày càng đạt hiệu quả hơn.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

+ Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2012

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.



Giá: 9.950.000 đồng

+ Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ Fast Accounting



Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 14 phân hệ được tổ chức 1 cách khoa học, hợp lý, dễ sử dụng và cũng rất được ưa chuộng hiện nay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi NỢ, tài khoản ghi CÓ để nhập dữ liệu vào máy tính.
- Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập BCTC. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện tự động, đảm bảo chính xác trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

3.2.2. Mở tài khoản 113 và hạch toán tiền đang chuyển :

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong các trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có,

giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng... Toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến tiền đang chuyển em đã trình bày trong phần chương I.

Ví dụ : Ngày 09/12/2011, công ty thanh toán tiền xăng Mogas 92 cho công ty CP Quốc Tuấn với số tiền 140.670.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng nhưng đến ngày 11/12/2011, công ty mới nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

Định khoản :

Ngày 09/12 : Nợ TK 331: 140.670.000

Có TK 113 : 140.670.000

Ngày 11/12 : Nợ TK 113 : 140.670.000

Có TK 112 : 140.670.000

3.2.3. Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Điều kiện để số tiền phải thu được coi là khoản nợ phải thu khó đòi :

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm : hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu phải xử lý như một khoản tổn thất.

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi :

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá

sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập :

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tài khoản sử dụng : TK 139

Phương pháp hạch toán :

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí :

Nợ TK 642 :

Có TK 139 :

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí :

Nợ TK 139 :

Có TK 642 :

- Trong kỳ kế toán, nếu có khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu hồi được, doanh nghiệp làm thủ tục xóa sổ các khoản nợ này theo quy định. Căn cứ vào quyết định xử lý xóa sổ các khoản nợ không thể thu hồi được, kế toán ghi :

Nợ TK 6426 : Dự phòng nợ phải thu khó đòi (phần đã lập dự phòng)

Có TK 131,1388 : Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ, nay doanh nghiệp thu hồi được, kế toán ghi :

Nợ TK 111,112 : Số tiền thu được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

Ví dụ : Tính và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông.

Theo Thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi, ta có mức dự phòng cần trích lập như sau :

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Số tiền phải thu	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t \leq 1$ năm	160.767.272	30% giá trị nợ quá hạn
1 năm $\leq t \leq 2$ năm	218.467.495	50% giá trị nợ quá hạn
Tổng	379.234.767	

Biểu 3.1 Mức dự phòng cần trích lập

- Mức dự phòng cần trích lập cụ thể cho từng khách hàng :

Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ cần trích lập	Mức dự phòng cần trích lập
Công ty TNHH Song Toàn	82.472.727	6 tháng	0,3	24.741.818
Doanh nghiệp tư nhân Trọng Thiên	36.324.545	10 tháng	0,3	10.897.364
Công ty CP Gia Minh	41.970.000	11 tháng	0,3	12.591.000
Công ty SX nền cao cấp AIDI Việt Nam	121.963.177	13 tháng	0,5	60.981.589
Công ty TNHH TM Trà My	96.504.318	17 tháng	0,5	48.252.159
Tổng	379.234.767			157.391.930

Biểu 3.2 Mức dự phòng cần trích lập cụ thể cho từng khách hàng

- Kế toán định khoản :

Nợ TK 642 : 157.391.930

Có TK 139 : 157.391.930

3.2.4. Công ty nên đẩy mạnh hơn nữa hình thức thanh toán qua Ngân hàng :

Đối với những khoản tiền lớn Công ty nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Hiện nay hệ thống Ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ những Ngân hàng nhà nước mà còn có rất nhiều Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mức lãi suất cạnh tranh và sự chăm sóc khách hàng nhiệt tình, việc chuyển tiền giữa các Ngân hàng rất nhanh chóng, thuận lợi. Đa số các doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng, việc thanh toán qua hệ thống Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển.

3.2.5. Công ty nên định kỳ kiểm kê quỹ tiền mặt :

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam, ngoại tệ tồn quỹ thực tế so với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập Ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản: Một bản lưu ở chỗ thủ quỹ, một bản lưu ở chỗ kế toán.

Ưu điểm: Giúp cho các nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:

Mẫu số 08a -TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số :

Hôm nay, vào....ngày....giờ....tháng....năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/ Bà:.....Đại diện kế toán

Ông/ Bà:.....Đại diện thủ quỹ

Ông/ Bà:.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5
III	Chênh lệch (III = I - II)	x

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3 Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho VNĐ)

Đơn vị:

Mẫu số 08b -TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)

Số :

Hôm nay, vàongày....giờ....tháng....năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/ Bà:.....Đại diện kế toán

Ông/ Bà:.....Đại diện thủ quỹ

Ông/ Bà:.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ ngoại tệ, vàng, bạc ... kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tính ra VNĐ		Ghi chú
					Tỷ giá	VNĐ	
A	B	C	1	2	3	4	D
I	Số dư theo sổ quỹ	x	x
II	Số kiểm kê thực tế	x	x
1	- Loại
2	- Loại
3
III	Chênh lệch (III = I - II)	x	x

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 3.4 Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)

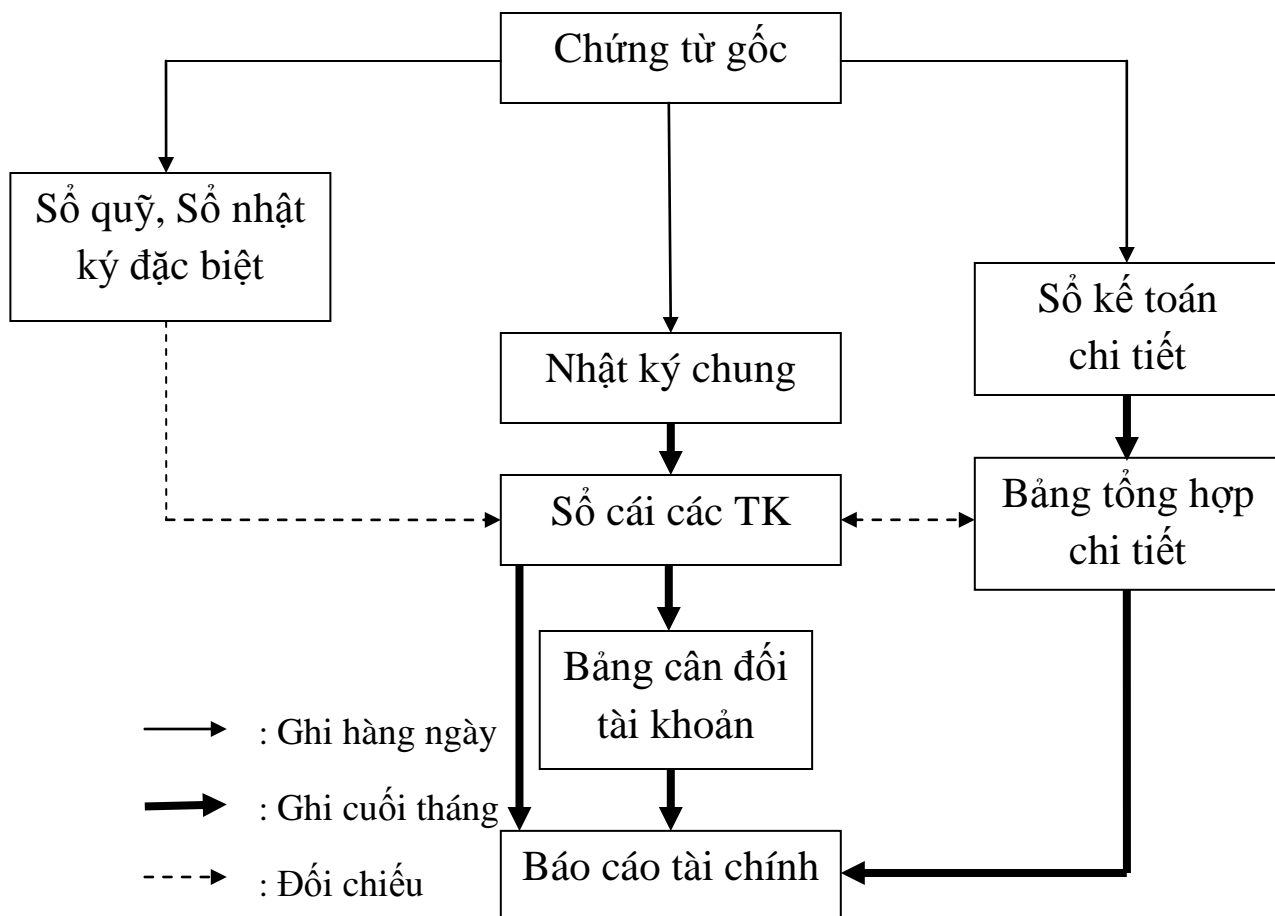
3.2.6. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách :

Công ty không sử dụng Nhật ký đặc biệt - Nhật ký thu tiền, chi tiền, do đó dẫn đến tình trạng số liệu trên sổ sách dày đặc, khó theo dõi, khó kiểm soát được tình hình kinh tế của công ty. Vì vậy, theo em công ty nên mở thêm các sổ Nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền (mở riêng thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi cho từng loại tiền hoặc cho từng Ngân hàng).

Ưu điểm : Việc quản lý tiền trở nên chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ. Đồng thời, với hệ thống sổ sách được tổ chức như vậy, việc lập các Báo cáo mà đặc biệt là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng dễ dàng hơn.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung nhưng với biện pháp này khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã ghi trong sổ Nhật ký đặc biệt thì sẽ không cần ghi vào Nhật ký chung nữa mà sẽ tổng hợp ghi một lần vào Sổ cái.

Biểu 3.5 Sơ đồ hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng tại công ty sau khi được bổ sung Nhật ký đặc biệt



Dưới đây em xin đưa ra minh họa cho sổ Nhật ký thu – chi tiền.

CNCTy TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: S03a1-DNN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111	Ghi có TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			511	131	33311	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
...
			Số tháng 11 chuyển sang	9.893.299.993	6.507.327.327	2.911.467.883	650.732.733			
			Tháng 12							
...
05/12	PT-1320	05/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty CP Việt Úc	16.847.600	15.316.000		1.531.600			
...
22/12	PT-1352	22/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty TNHH Shunlee Việt Nam	8.626.200	7.842.000		784.200			
22/12	PT-1353	22/12	Cty CP Đông Xuân thanh toán cước vận chuyển	9.512.366		9.512.366				
...
			Cộng phát sinh tháng 12	990.217.273	846.135.443	43.219.030	84.613.544			
			Cộng lũy kế số phát sinh	10.867.268.019	7.353.462.770	2.954.686.913	735.346.277			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.6 Sổ nhật ký thu tiền (Ghi nợ TK 111)

CNCty TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: S03a1-DNN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112	Ghi có TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			511	131	33311	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
...	
			Số tháng 11 chuyển sang	17.787.212.806	8.373.703.206	3.908.205.603	837.370.321			
			Tháng 12							
...	
11/12	GBC-459FT	11/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty SX nền cao cấp AIDI Việt Nam	41.558.095	41.558.095					
...	
22/12	GBC-478FT	22/12	Cty CP TM Minh Đức ứng trước cước vận chuyển	35.000.000		35.000.000				
22/12	GBC-479FT	22/12	Thu tiền cước vận chuyển Cty TNHH Hoàng Yên	32.607.614		32.607.614				
...	
			Cộng phát sinh tháng 12	1.373.382.982	989.328.274	89.146.340	98.932.827			
			Cộng lũy kế số phát sinh	19.160.595.788	9.363.031.482	3.997.351.943	936.303.148			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.7 Sổ nhật ký thu tiền (Ghi nợ TK 112)

CNCTy TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: S03a2-DNN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111	Ghi nợ TK					Tài khoản khác	
	Số hiệu	Ngày tháng			632	642	133	331	...	Số tiền	Số hiệu
...
			Số tháng 11 chuyển sang	9.628.762.612	4.994.459.904	3.168.201.722	650.295.097	2.796.083.827			
			Tháng 12								
...
10/12	PC-1266	10/12	Mua dầu Diesel của Cty CP TM & DV Việt Hùng	2.050.008	1.868.871		181.137				
...
14/12	PC-1270	14/12	Thanh toán tiền điện	1.833.803		1.667.094	166.709				
...
19/12	PC-1280	19/12	Thanh toán tiền dầu Diesel cho Cty CP DV Xuân An	1.753.568				1.753.568			
...
			Cộng phát sinh tháng 12	812.535.668	329.510.664	297.837.611	52.418.902	271.643.984			
			Cộng lũy kế số phát sinh	10.441.298.287	5.323.970.568	3.466.039.333	702.713.999	3.067.727.811			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.8 Sổ nhật ký chi tiền (Ghi có TK 111)

CNCty TNHH TMXNK & VT Hàng Thông
Số 17^A/L6 Khu đô thị PG – An Dương - HP

Mẫu số: S03a2-DNN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112	Ghi nợ TK					Tài khoản khác		
	Số hiệu	Ngày tháng			632	642	133	331	...	Số tiền	Số hiệu	
...
			Số tháng 11 chuyển sang	17.776.734.196	4.860.092.960	708.202.100	453.272.379	3.998.089.545				
			Tháng 12									
...
04/12	GBN-451FT	04/12	Thanh toán tiền xăng A92 cho Cty TNHH Tân Bình	23.080.500				23.080.500				
...
12/12	GBN-462FT	12/12	Thanh toán tiền dầu Diesel cho cửa hàng xăng dầu Thượng Lý	12.624.600	11.501.000		1.123.600					
...
26/12	GBN-501FT	26/12	Thay thế phụ tùng ô tô	19.074.000		17.340.000	1.734.000					
...
			Cộng phát sinh tháng 12	872.442.925	441.238.632	88.320.000	42.297.498	366.189.958				
			Cộng lũy kế số phát sinh	18.649.177.121	5.301.331.592	796.522.100	495.569.877	4.364.279.503				

Người ghi số

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.9 Sổ nhật ký chi tiền (Ghi có TK 112)

KẾT LUẬN

Khóa luận : “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hằng Thông” đã tổng hợp những vấn đề chung nhất về công tác hạch toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp, cụ thể : Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền, tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền, hạch toán tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển,...

Khóa luận cũng phản ánh thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hằng Thông. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường giúp cho Giám đốc điều hành công ty hiệu quả. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý, khoa học, đảm bảo nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với khả năng, trình độ của đội ngũ kế toán và đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ quá trình thu chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng để phục vụ nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục, đem lại hiệu quả cao cho công ty. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cần phát huy, công ty còn gặp phải một số các hạn chế như :

- Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà vẫn đang áp dụng kế toán thủ công, như vậy vừa tốn nhân lực vừa không đem lại hiệu quả cao trong công việc. Kế toán thủ công mất nhiều thời gian, độ chính xác không cao, đôi khi còn không đảm bảo tiến độ thời gian yêu cầu.

- Công ty không hạch toán tiền đang chuyển: Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được giấy báo hay

bản sao kê của Ngân hàng. Hiện nay, công ty lại không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

- Kế toán công ty không tiến hành trích khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới việc thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Việc thanh toán thông qua hệ thống Ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

- Cuối tháng hoặc định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp nhiều khó khăn. Như vậy, sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của công ty.

- Công ty không sử dụng nhật ký đặc biệt – cụ thể là nhật ký thu – chi mà số lượng các nghiệp vụ lớn, dày đặc, nếu không mở sổ nhật ký đặc biệt sẽ khiến công ty khó theo dõi, kiểm soát được tình hình kinh doanh, thu – chi.

Sau khi nghiên cứu thực trạng, bài khóa luận đã xây dựng một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu và vận tải Hàng Thông như sau :

- Áp dụng phần mềm kế toán để hiện đại hóa công tác kế toán tại doanh nghiệp giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, chính xác của các con số trong kế toán.

- Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong các trường hợp sau: Thủ tục thanh

toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng...

- Công ty nên tiến hành trích khoản dự phòng phải thu khó đòi để theo dõi việc thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Đối với những khoản tiền lớn Công ty nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng để đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển.

- Công ty nên định kỳ kiểm kê quỹ tiền mặt. Việc này sẽ giúp cho các nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

- Công ty nên mở Sổ nhật ký thu – chi tiền để việc quản lý tiền trở nên chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Các sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, các báo cáo tài chính của Chi nhánh công ty TNHH TM XNK & VT Hằng Thông.
- 2- Khoá luận tốt nghiệp của các khoá trước.
- 3- Vụ chế độ kế toán và kiểm toán – Bộ tài chính – *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa* – Nhà xuất bản tài chính năm 2011.
- 4- TS Phạm Huy Đoán – Vụ chế độ kế toán – *Hướng dẫn hạch toán kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa* – Nhà xuất bản tài chính năm 2011.
- 5- TS Phạm Huy Đoán, Ths Nguyễn Thanh Tùng – *258 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp* – Nhà xuất bản tài chính năm 2011.
- 6- PGS.TS Võ Văn Nhị – *Kế toán tài chính* – Nhà xuất bản Thống kê năm 2010.
- 7- Trang www.webketoan.com.vn